



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

9

Tháng 5 - 2011

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGUYỄN TẤN DŨNG DỰ LỄ MỪNG CÔNG
HOÀN THÀNH KHỐI BÊ TÔNG ĐẦM LẤN THỨ 1 TRIỆU TRÊN CÔNG
TRÌNH THỦY ĐIỆN BẢN CHÁT**

Lai Châu, ngày 21 tháng 4 năm 2011



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cùng đoàn công tác của Chính phủ
đi thăm công trường xây dựng thủy điện Bản Chát

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

9

SỐ 9 - 5/2011



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 581/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020 5
- Thông tư số 15/2011/TT-BCT của Bộ Công thương quy định thủ tục đăng ký danh mục hàng nhập khẩu, hàng tạm nhập tái xuất, hàng thanh lý của các nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam 6
- Thông tư số 50/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước 7
- Chỉ thị của Bộ Xây dựng về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011-2015) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI 8
- Quyết định số 386/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 1040/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc quy định tạm thời trình tự, thủ tục xác định giá khởi điểm để đấu giá và giá giao cấp quyền khai thác mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá 11
- Quyết định số 607/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng 12

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

- Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh 13
Đồng Tháp ban hành Quy định mức thu phí thẩm
định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo
đánh giá tác động môi trường bổ sung trên địa bàn
tỉnh Đồng Tháp

- Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND thành phố Hà 14
Nội ban hành Quy định xử lý các trường hợp đất
không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn
tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên
tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao
thông mới trên địa bàn thành phố Hà Nội

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ Dự thảo TCVN 2737:2010 - Tải trọng và tác động 17

- Tiêu chuẩn thiết kế

+ Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật – thí nghiệm 18
hiện trường: Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn

+ Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam "Thi công cọc nhồi 20
đường kính nhỏ"

- Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên 21
ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 4/2011

- Đánh giá những tác động của vật liệu tới môi trường 26

- Những xu hướng kết hợp trong thiết kế cấp phối 28
bê tông ở Mỹ

- Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet 30

Thông tin

- Tổng Công ty LICOGI tổ chức Lễ mừng công hoàn 32
thành khối bê tông đầm lăn thứ 1 triệu trên công trình
thủy điện Bản Chát

- Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức tập huấn 33
nghiệp vụ công tác công đoàn cơ sở năm 2011

- Từ xây dựng sinh thái và xây dựng xanh đến xây 34
dựng an toàn sinh thái

- Công ty xây dựng số 2 Giang Tây, Trung Quốc - kinh 37
nghiệm chuyển đổi mô hình hoạt động

- Ứng dụng phương pháp phân tích lãi lỗ và điểm hòa 39
vốn trong công tác quản lý mục tiêu lợi nhuận của
doanh nghiệp xây dựng

- Sáu điểm quan trọng để nâng cao lợi nhuận của dự 43
án

- Đô thị sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả - đánh 45
giá theo những tiêu chuẩn nào?



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 581/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020

Ngày 20/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 581/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020 đã xác định quan điểm phát triển là phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương và huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo vệ môi trường, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa Kon Tum thoát khỏi tình nghèo; Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng và đô thị hóa, đẩy mạnh phát triển một số vùng kinh tế động lực để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các khu vực khó khăn trên địa bàn tỉnh phát triển; Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, quan tâm hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển toàn diện, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc; Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Mục tiêu cụ thể về phát triển kinh tế, theo Quy hoạch này, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Kon Tum hàng năm thời kỳ 2011 - 2020 đạt 14,7%, trong đó giai đoạn 2011-2015 đạt 15%. GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 27,9 triệu đồng/người (gấp hai lần so với năm 2010) và năm 2020 đạt 53,2 triệu đồng/người; Tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ -

nông nghiệp vào năm 2015 là 31,5% - 33,5% - 33% và đến 2020 là 38,5%-36,4%-25,1%.

Về phát triển xã hội, Quy hoạch đề ra mục tiêu đến năm 2015 quy mô dân số đạt 510.000 người và đến 2020 khoảng 600.000 người, tỷ lệ dân số thành thị tương ứng khoảng 46,1% và 53,3%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 3-4%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 45%, đến năm 2020 đạt 55-60%, trong đó đào tạo nghề đạt trên 40%; Phấn đấu đến năm 2015 có 10-11 bác sỹ, 41,5 giường bệnh/1 vạn dân và từ 11-12 bác sỹ, 46,3 giường bệnh/ 1 vạn dân vào năm 2020; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 22% vào năm 2015 và dưới 17% vào năm 2020; Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khoảng 90% vào năm 2015 và đến năm 2020 cơ bản giải quyết đủ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho dân cư nông thôn.

Về bảo vệ môi trường, trong Quy hoạch xác định mục tiêu nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 68% vào năm 2015 và trên 70% vào năm 2020, tăng diện tích cây xanh ở khu vực đô thị; phấn đấu đến năm 2020 thu gom và xử lý khoảng 80% rác thải sinh hoạt; quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; Sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, tăng cường giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức, năng lực quản lý và bảo vệ môi trường.

Quy hoạch cũng đề ra những định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, trong đó xác định, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng phấn đấu

đạt tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2011-2020 đạt 18,7%, mục tiêu đến 2020 đóng góp khoảng 38,5% GDP, giải quyết việc làm cho 25% lao động xã hội.

Về phương hướng tổ chức không gian phát triển, Quy hoạch xác định mục tiêu phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng, xây dựng đô thị văn minh, sạch đẹp và nông thôn mới toàn diện: phấn đấu xây dựng thành phố Kon Tum trở thành đô thị loại 2 trước năm 2020, nâng cấp mạng lưới đô thị chính như cửa khẩu Bờ Y, các thị xã Plei Kần, Đăk Tô, các thị trấn Đăk Hà, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Plông, Tu Mơ Rông, Đăk Tân, Mô Rai và một số thị trấn thuộc huyện; từng bước phân bố lại dân cư trên các địa bàn, nghiên cứu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các trung tâm cụm xã, các điểm dân cư tập trung, các xã mới chia tách gắn với Quy hoạch nông thôn mới.

Các vùng kinh tế động lực được xác định trong Quy hoạch bao gồm: Vùng Trung tâm - tập trung đầu tư phát triển thành phố Kon Tum gắn với các khu công nghiệp và các khu đô thị mới thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ của tỉnh; Vùng Tây Bắc - phát triển Khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y gắn với nâng cấp, xây dựng thị xã Plei Kần thành trung tâm liên kết kinh tế của Tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; Vùng phía Đông - xây dựng và phát triển trung tâm huyện Kon Plông với Khu

du lịch sinh thái Măng Đen thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng hiện đại mang đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tại Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Kon Tum chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để đảm bảo phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; Lập kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý: Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 15/2011/TT-BCT của Bộ Công thương quy định thủ tục đăng ký danh mục hàng nhập khẩu, hàng tạm nhập tái xuất, hàng thanh lý của các nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam

Ngày 30/3/2011, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 15/2011/TT-BCT quy định thủ tục đăng ký danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái

nhập, thanh lý của nhà thầu nước ngoài (gồm cả nhà thầu chính và nhà thầu phụ) đã được cấp giấy phép thầu xây dựng theo quy định tại Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

Theo đó, nhà thầu nước ngoài đã có Giấy phép thầu xây dựng được đăng ký danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để thực hiện công trình trúng thầu tại Việt Nam. Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu phải phù hợp với Hợp đồng nhận thầu về chủng loại, số lượng, xuất xứ của mỗi loại máy móc, thiết bị, vật tư. Danh mục máy móc, thiết bị (bao gồm cả thiết bị vận chuyển), vật tư tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để thi công xây dựng phải được chủ đầu tư hoặc chủ dự án xác nhận thỏa thuận theo quy định tại Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi được Bộ Công thương chấp thuận đăng ký danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, nhà thầu nước ngoài được trực tiếp hoặc ủy thác làm thủ tục xuất nhập khẩu tại cơ quan hải quan theo quy định về quản lý xuất nhập khẩu hiện hành.

Sau khi hoàn thành công trình, nhà thầu nước ngoài phải quyết toán máy móc, thiết bị, vật tư đã nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập theo danh mục đã đăng ký. Sau khi quyết toán, nhà thầu nước ngoài phải xử lý máy móc, thiết bị, vật tư dôi dư chưa sử dụng

hết hoặc chưa tái xuất dưới dạng thanh lý theo các hình thức: tái xuất, bán, tiêu hủy. Máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập để thi công xây dựng phải được sử dụng đúng mục đích. Việc đăng ký danh mục máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập có thể làm theo từng năm hoặc cho toàn bộ dự án, phù hợp với tiến độ thi công xây dựng công trình.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công thương chấp thuận đăng ký danh mục nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập. Trong trường hợp không chấp thuận, Bộ Công thương phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công thương có thông báo gửi tới nhà thầu nước ngoài yêu cầu bổ sung.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2011 và thay thế Quyết định số 3806/QĐ-BCT ngày 29/7/2009 của Bộ Công thương về việc ban hành mẫu đơn đăng ký danh mục hàng nhập khẩu, hàng tạm nhập tái xuất, hàng thanh lý của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

(Xem toàn văn tại: www.moit.gov.vn)

Thông tư số 50/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

Ngày 21/4/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2011/TT-BTC quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN), áp dụng cho các cơ quan, đơn vị: Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

các đơn vị tài chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để phối hợp báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN hàng năm.

Báo cáo và hướng dẫn chế độ báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN quy định tại Thông tư

này bao gồm: Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho các Bộ, ngành và địa phương, thực hiện trong năm kế hoạch; Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung thuộc kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết, được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau; Báo cáo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung ứng trước dự toán ngân sách năm sau thực hiện trong năm kế hoạch; Báo cáo nguồn vốn do địa phương huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước, vốn tạm ứng từ nguồn vốn tồn ngân Kho bạc Nhà nước theo quy định để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong năm kế hoạch; Báo cáo nguồn vốn bổ sung cho các dự án từ các nguồn vốn hợp pháp khác; Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm cho các Bộ, ngành và địa phương bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện trong năm kế hoạch; Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc kế hoạch năm trước chưa thanh toán hết, được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thanh toán sang năm sau; Báo cáo nguồn vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước kế hoạch năm sau tại các Quyết định của Thủ

tướng Chính phủ thực hiện trong năm kế hoạch.

Theo Thông tư này, các Sở Tài chính tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp ban hành hệ thống Biểu mẫu, hướng dẫn chế độ báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN hàng năm giao cho các cơ quan của địa phương để phục vụ công tác tổng hợp báo cáo theo quy định.

Các cơ quan quản lý tài chính thuộc các Bộ, ngành Trung ương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, vốn trái phiếu Chính phủ cho các dự án thuộc Bộ, ngành quản lý gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành; Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các dự án hoàn thành, tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại các dự án hoàn thành trong năm kế hoạch thuộc Bộ, ngành quản lý; chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu và thời gian báo cáo.

Thông tư có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1869/QĐ-BTC ngày 06/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thông tin báo cáo về vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN trong nội bộ ngành Tài chính.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

Chỉ thị của Bộ Xây dựng về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011-2015) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI

Ngày 18/4/2011, Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BXD về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011-2015) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Tại Chỉ thị này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu các đơn vị trong toàn Ngành:

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 21/5/2004 của Bộ Chính trị, theo kết luận số 83-KL/TW ngày 30/8/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X về đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến; yêu cầu các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Công đoàn,

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các đơn vị phải bám sát nhiệm vụ chính trị để đề ra các mục tiêu cụ thể của từng quý, từng năm; tổ chức từng đợt các phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, thiết thực, có sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, khen thưởng kịp thời.

Trước mắt, trong năm 2011 các phong trào thi đua phải hướng vào việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về các giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; Chỉ thị số 01/CT-BXD ngày 04/3/2011 và Chương trình hành động của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ.

- Đẩy mạnh thi đua hoàn thành kế hoạch năm 2011 của mỗi đơn vị, các phong trào thi đua phải được cụ thể hóa bằng các chương trình, hành động cụ thể, có biện pháp phù hợp để tổ chức thực hiện; phải gắn phong trào thi đua với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, đặc biệt lưu ý việc “thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “lao động giỏi, lao động sáng tạo” với mục tiêu “Năng suất, chất lượng, hiệu quả” của cán bộ, công chức, viên chức, lao động trong toàn Ngành.

- Cùng với việc đẩy mạnh phong trào thi đua, chú trọng nâng cao công tác khen thưởng, đảm bảo khen thưởng kịp thời, chính xác, đúng

đối tượng; tăng cường khen thưởng các tập thể nhỏ và cá nhân người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác. Biểu dương, tôn vinh các tấm gương điển hình tiên tiến, tiêu biểu trên tất cả các lĩnh vực: quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế... trong ngành Xây dựng.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qui định của Ngành và các văn bản qui phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng. Tuyên truyền, giáo dục truyền thống của đơn vị, của ngành Xây dựng nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước, tinh thần cách mạng. Đặc biệt quan tâm phát hiện nhân tố mới, nêu gương, nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, tiêu biểu ở mọi lĩnh vực trong Ngành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các đơn vị cần quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao chất lượng công tác của đơn vị, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; quan tâm củng cố tổ chức, bộ máy và lựa chọn những cán bộ có năng lực, có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm cao làm công tác thi đua, khen thưởng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chỉ thị có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Quyết định số 386/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030

Ngày 20/4/2011, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 386/QĐ-BXD phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp lưu

vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030. Theo đó, phạm vi nghiên cứu Quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy (khoảng 7.665 km²) thuộc ranh giới hành

chính của 5 tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình.

Về phạm vi lập quy hoạch: quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đối với khu vực đô thị và khu công nghiệp, định hướng về thoát nước và xử lý nước thải đối với khu dân cư tập trung.

Về quan điểm quy hoạch, việc lập Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực dân cư, khu công nghiệp lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, Quy hoạch sử dụng đất, Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho các khu dân cư và các khu công nghiệp, lựa chọn cấu trúc mạng ống thoát nước cũng như công nghệ xử lý phù hợp nhằm góp phần cải thiện điều kiện vệ sinh, bảo vệ môi trường, đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, thích ứng và giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường quản lý nhà nước và ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp nhằm triển khai các giải pháp xử lý ô nhiễm, phòng chống úng ngập có hiệu quả; phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế để bảo vệ tốt môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

Mục tiêu lập quy hoạch nhằm cụ thể hóa Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải, làm cơ sở cho việc lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

Tại Quyết định này, Bộ Xây dựng giao Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn triển khai nghiên cứu lập Quy hoạch, nội dung nghiên cứu bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, bổ sung thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hệ thống hạ tầng

kỹ thuật và dự báo phát triển của các khu vực dân cư, khu công nghiệp trong các tỉnh thuộc lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy;

- Cập nhật hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải (nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải y tế, nước thải làng nghề); nguồn tiếp nhận và khả năng tiêu thoát nước; tình hình ô nhiễm môi trường và ngập úng;

- Rà soát, tổng hợp các quy hoạch thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng thoát nước đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn các tỉnh lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kinh tế và kỹ thuật của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

- Rà soát lưu vực thoát nước, nguồn tiếp nhận, điểm xả nước thải; yêu cầu chất lượng nước xả thải và khả năng nguồn tiếp nhận;

- Dự báo tổng lượng nước thải theo từng giai đoạn quy hoạch cho toàn vùng;

- Nghiên cứu, bổ sung vị trí, quy mô, phạm vi phục vụ của các trạm xử lý nước thải, xác định hướng tuyến thoát nước chính;

- Đề xuất bổ sung các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; đánh giá, lựa chọn các công nghệ xử lý nước thải phù hợp;

- Khái toán kinh phí đầu tư và phân kỳ đầu tư; nguồn vốn và khả năng huy động để thực hiện quy hoạch;

- Nghiên cứu bổ sung các giải pháp, cơ chế chính sách về đầu tư, quản lý và bảo vệ hệ thống thoát nước, xử lý nước thải;

- Rà soát, đánh giá môi trường chiến lược;

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên và kế hoạch triển khai thực hiện.

Thời gian lập quy hoạch là 9 tháng kể từ ngày nhiệm vụ Quy hoạch được phê duyệt. Bộ Xây dựng thẩm định quy hoạch và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 1040/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc quy định tạm thời trình tự, thủ tục xác định giá khởi điểm để đấu giá và giá giao cấp quyền khai thác mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

Ngày 04/4/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định số 1040/2011/QĐ-UBND về việc quy định tạm thời trình tự, thủ tục xác định giá khởi điểm để đấu giá và giá giao cấp quyền khai thác mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Quyết định này áp dụng đối với các loại mỏ khoáng sản là cát, sỏi, đất và đá làm vật liệu xây dựng (sau đây gọi tắt là mỏ vật liệu xây dựng) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của UBND tỉnh theo quy định tại Quyết định số 2261/2010/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của UBND tỉnh.

Theo Quyết định này điều kiện của mỏ khi xác định giá khởi điểm để đấu giá và giá giao cấp quyền khai thác mỏ phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là những mỏ vật liệu xây dựng thuộc danh mục được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá, xác định giá giao để cấp quyền khai thác mỏ hàng năm.

- Đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả thăm dò, khảo sát trữ lượng, chất lượng mỏ.

- Mỏ đã được giải phóng mặt bằng(GPMB);
- Có đủ hồ sơ theo quy định.

Quyết định này quy định xây dựng danh mục các mỏ vật liệu xây dựng phải đấu giá, định giá giao để cấp quyền khai thác hàng năm; thực hiện GPMB và thuê tổ chức tư vấn thăm dò, khảo sát mỏ vật liệu xây dựng:

+ Xây dựng danh mục các mỏ vật liệu xây dựng phải đấu giá, định giá giao.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan lập danh mục các mỏ vật liệu xây dựng phải đấu giá, định giá giao để cấp quyền khai thác, trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Thực hiện công tác GPMB:

- Đối với những mỏ vật liệu xây dựng phải thực hiện công tác GPMB. Ngay sau khi Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục mỏ vật liệu xây dựng phải đấu giá, định giá giao để cấp quyền khai thác, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các huyện), nơi có mỏ phải triển khai phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện GPMB.

Nguồn kinh phí thực hiện GPMB được tạm ứng từ nguồn sự nghiệp môi trường thuộc ngân sách tỉnh hàng năm và được hoàn ứng bằng nguồn thu của các chủ mỏ được cấp quyền khai thác qua đấu giá hoặc định giá giao.

Sở Tài chính căn cứ dự toán kinh phí GPMB do Chủ tịch UBND các huyện phê duyệt và tờ trình xin tạm ứng kinh phí của các huyện, chủ động trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cho các huyện tạm ứng nguồn để thực hiện công tác GPMB, thu hồi hoàn ứng ngay sau khi chủ mỏ nộp tiền.

+ Xác định trữ lượng, chất lượng mỏ vật liệu xây dựng và khối lượng mỏ có thể khai thác trong một năm:

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức tư vấn có đủ năng lực để thăm dò, khảo sát. Tổ

chức tư vấn sau khi thăm dò, khảo sát tiến hành lập báo cáo kết quả thăm dò, khảo sát. Báo cáo thăm dò, khảo sát phải cung cấp tối thiểu được các thông tin như: Khái quát được vị trí, điều kiện hạ tầng giao thông ra vào và điều kiện khai thác mỏ; Xác định trữ lượng mỏ vật liệu xây dựng tại thời điểm thăm dò, khảo sát; Xác định thành phần và tỷ trọng chủ yếu trong mỏ vật liệu xây dựng và nhóm sản phẩm sau khai thác, chế biến mỏ; Xác định trữ lượng có thể bồi lắng bổ sung cho mỏ hàng năm (đối với mỏ cát); Xác định khối lượng mỏ có thể khai thác trong một năm (theo năng lực khai thác trung bình của nhóm ngành nghề khai thác).

Sau khi nhận được báo cáo kết quả thăm dò, khảo sát của tổ chức tư vấn, Giám đốc Sở

Tài nguyên & Môi trường chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các ngành liên quan thẩm định báo cáo thăm dò, khảo sát, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có đề xuất số năm cấp quyền khai thác).

Quyết định này còn quy định lựa chọn tổ chức định giá; căn cứ định giá; trình tự, thủ tục định giá một đơn vị (m^3) vật liệu xây dựng để đấu giá, định giá giao để cấp quyền khai thác; Phương pháp, trình tự, thủ tục xác định giá khởi điểm đấu giá, giá giao.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.thanhhoa.gov.vn)

Quyết định số 607/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Ngày 22/4/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 607/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Quy định này áp dụng cho đối tượng thu, nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước thuộc trường hợp quy định tại Điều 2 Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ.

Theo quy định này, đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng tỷ lệ % nhân với giá đất theo mục đích sử dụng đất do UBND thành phố công bố có hiệu lực ngày 01/01 hàng năm.

Đơn giá thuê đất dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) giá cho thuê cụ thể:

- Đơn giá thuê đất một năm bằng 2% giá đất từng vị trí theo bảng giá đất tại Quyết định ban

hành giá các loại đất hàng năm của UBND thành phố đối với các khu đất đi ra đường phố, tuyến phố, tuyến đường có vị trí lợi thế kinh doanh (có danh mục đường phố, tuyến phố có lợi thế kinh doanh kèm theo).

- Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,5% giá đất từng vị trí đối với các đường phố còn lại theo bảng giá đất tại Quyết định ban hành giá các loại đất hàng năm của UBND thành phố.

- Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1% giá đất từng vị trí đối với các tuyến đường, đoạn đường thuộc địa bàn khó khăn, vùng xa, khu đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư và theo bảng giá đất tại Quyết định ban hành giá các loại đất hàng năm của UBND thành phố.

- Đối với đất thuê để sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phương pháp tính theo tuyến (vị trí) quy định trong bảng giá đất của UBND

thành phố ban hành có hiệu lực ngày 01/01 hàng năm.

- Đối với các khu đất không bám mặt đường mà là đất bám mặt ngõ tính theo giá đất của vị trí đất có tên đường phố mà khu đất đi ra trong bảng giá đất hàng năm đến khu đất gần nhất và không chia tuyến đối với các khu đất vị trí II, vị trí III và vị trí IV, không tính yếu tố chéo méo và vật án ngữ.

Cũng theo Quy định này, đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với một số trường hợp đặc biệt:

- Đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất thuộc nhóm đất nông nghiệp (kể cả trồng rừng, làm muối, nuôi trồng thủy sản,...). Đơn giá đất cho thuê tính trên toàn bộ diện tích = 1% x giá đất nông nghiệp theo vị trí.

- Đối với thuê mặt nước (không thuộc phạm vi quy định tại Điều 13 Luật Đất đai 2003) sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh: Đơn giá thuê là 100đ/m²/năm (tính cho cả diện tích). Với mục đích sử dụng mặt nước không cố định: Đơn giá thuê là 250đ/m²/năm (tính cho cả diện tích).

Quy định này cũng hướng dẫn tỷ lệ điều chỉnh tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với một số trường hợp cụ thể:

- Đối với diện tích đất tổ chức, cá nhân được giao để xây dựng công trình ngầm khi xây dựng xong giao lại bề mặt đất cho chính quyền địa phương thì đơn giá thuê bằng 30% đơn giá đất thuê trên mặt đất cùng mục đích sử dụng.

- Trường hợp người được giao đất không thu

tiền sử dụng đất được giao vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị của đơn vị vừa phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ (không tách riêng được diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ) thì tính tiền thuê đất phải nộp đối với diện tích đất phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh theo phương pháp phân bổ hướng dẫn tại điểm 1.2 mục II Thông tư số 141/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính.

- Đối với các dự án có các nội dung sử dụng đất đặc thù, đặc biệt khác chưa quy định cụ thể: thì Sở Tài chính cùng với Cục Thuế thành phố nghiên cứu cụ thể từng trường hợp để xác định tỷ lệ điều chỉnh đơn giá thuê đất, thuê mặt nước cho phù hợp báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Trường hợp thuê đất để sử dụng vào mục đích hoạt động khai thác khoáng sản: Diện tích đã khai thác khoáng sản xong, đã nộp đủ tiền thuê đất hàng năm, được san lấp mặt bằng khôi phục như cốt đất cũ và bàn giao lại cho UBND xã, phường, thị trấn, được UBND quận, huyện xác nhận thì không phải nộp tiền thuê đất kể từ thời điểm bàn giao.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2011 và thay thế Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 22/01/2008 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(Xem toàn văn tại: www.haiphong.gov.vn)

Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định mức thu phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Ngày 25/4/2011, UBND tỉnh Đồng Tháp đã có Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định mức thu phí thẩm định Báo cáo đánh

giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Theo đó, phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công tác thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung. Đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến môi trường, được cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung.

Mức thu phí thẩm định theo Quyết định này là 5.000.000 đồng/báo cáo đối với Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Mức thu phí thẩm định đối với Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung hoặc thẩm định lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu. Thời gian nộp phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng với thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đơn vị thu phí là cơ quan quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thẩm định hoặc ủy quyền thẩm định Báo cáo đánh giá tác động

môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung.

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng quyết toán biên lai theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ hàng tuần, phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản này và tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung là khoản phí thuộc ngân sách nhà nước và được trích 100% trên số tiền thu phí cho đơn vị tổ chức thu phí để trang trải cho việc thu phí.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.dongthap.gov.vn)

Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông mới trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 06/5/2011, UBND thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội quy định việc xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng, hiện đang tồn tại (tính đến thời điểm ban hành Quy định này) dọc theo các tuyến đường giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, có diện tích dưới 15m² và có kích thước mặt tiền hoặc

chiều sâu so với chỉ giới xây dựng dưới 3m.

Các thửa đất tiếp giáp và nằm ngoài chỉ giới mở đường phát sinh khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông sau ngày Quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quy định này và quy định khác của pháp luật hiện hành (bao gồm điều kiện về mặt bằng xây dựng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử lý).

Đối với các trường hợp trước đây đã có quy hoạch nhưng chưa thực hiện, làm xuất hiện các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng, thì UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm tổ chức xử lý theo quy hoạch đó và bản Quy định này.

Đối với các trường hợp trước đây chưa có quy hoạch xây dựng, làm xuất hiện các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng thì UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng và tổ chức xử lý theo quy hoạch được phê duyệt và bản Quy định này.

Theo Quy định này, biện pháp xử lý do UBND các quận, huyện, thị xã lựa chọn áp dụng trong Phương án xử lý, gồm các hình thức sau:

- Cho phép chủ sử dụng đất thực hiện việc hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà, đảm bảo các điều kiện về mặt bằng theo Quy định này;

- Tổ chức thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cho phép chủ sử dụng đất để thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp nhà nước áp dụng biện pháp thu hồi đất để xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng thì trình tự, thủ tục thu hồi đất được thực hiện theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND; việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố .

Đối với các trường hợp phát sinh trước ngày 15/3/2005 (ngày Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ

về việc hướng dẫn thi hành Điều 121 của Luật Xây dựng, có hiệu lực), UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm rà soát, thống kê các trường hợp không đủ điều kiện về mặt bằng để xây dựng, sau đó phân loại, lập và phê duyệt Phương án xử lý. Căn cứ Phương án xử lý đã được duyệt, UBND các quận, huyện, thị xã có văn bản thông báo và hướng dẫn chủ sử dụng đất thoả thuận và thực hiện thoả thuận hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà theo Quy định này;

Trường hợp không thực hiện được việc hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà thì xử lý như sau:

- Nếu trước đây đã có quy hoạch xây dựng, nhưng chưa thực hiện thì UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức thu hồi đất để thực hiện quy hoạch đó.

- Nếu trước đây chưa có quy hoạch xây dựng thì UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch và Phương án xử lý được duyệt.

Đối với các trường hợp tồn tại từ 15/3/2005 đến nay thì UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng (nếu chưa có); rà soát, thống kê các trường hợp không đủ điều kiện về mặt bằng để xây dựng, sau đó phân loại, lập và phê duyệt Phương án xử lý theo quy hoạch, cụ thể như sau:

- Trường hợp hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà theo Phương án xử lý được phê duyệt:

- + Trường hợp chủ sử dụng đất có giấy tờ hợp pháp, UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm: Thông báo, hướng dẫn các chủ sử dụng đất có nhu cầu thoả thuận và thực hiện thoả thuận về việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà theo quy định; Tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ sử dụng đất làm thủ tục và tổ chức cấp Giấy chứng nhận cho các chủ sử dụng đất theo Quyết định 117/2009/QĐ - UBND của UBND Thành phố Hà Nội.

- + Trường hợp đất chưa đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận, nhưng chủ sử dụng đất

đã sử dụng ổn định, được UBND phường, xã, thị trấn xác nhận không có tranh chấp, có nhu cầu hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà, UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm: Tiến hành việc kiểm tra, xét duyệt, thông báo, hướng dẫn các chủ sử dụng đất thoả thuận và thực hiện thoả thuận hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà; Làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định, sau khi các chủ sử dụng đất hoàn thành việc hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà.

+ Thời gian thực hiện thoả thuận hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà là 30 ngày kể từ ngày UBND các quận, huyện, thị xã ra thông báo. Sau thời gian trên, nếu chủ sử dụng đất không thực hiện việc hợp thửa đất hoặc hợp khối nhà thì UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm tổ chức việc thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch đã

được phê duyệt và bản Quy định này.

UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm: Xem xét việc cho phép chủ sử dụng đất có nhu cầu được tổ chức khai thác, sử dụng thửa đất đúng mục đích, đúng quy hoạch đã được phê duyệt để làm dịch vụ công cộng và đưa vào Phương án xử lý; Tổ chức giám sát việc thực hiện, đảm bảo đúng Phương án xử lý đã được phê duyệt. Trường hợp chủ sử dụng đất không thực hiện đúng mục đích, đúng quy hoạch theo Phương án xử lý đã được phê duyệt, UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm tổ chức việc thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Dự thảo TCVN 2737:2010 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế

Ngày 29/4/2011 Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài nghiên cứu biên soạn Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2737:2010 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế do Viện KHCN Xây dựng Bộ Xây dựng thực hiện; PGS. TS. Nguyễn Võ Thông là chủ nhiệm Đề tài.

Tiêu chuẩn TCVN 2737:1995 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế được biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn SNIP 2.01.07-85 được ban hành ở Liên Xô năm 1985. Từ năm 1996 đến nay SNIP 2.01.07-85 đã được soát xét lại một số lần và được ban hành dưới mã hiệu SNIP 2.01.07-85*. Năm 2007, LB Nga đã soát xét lại SNIP 2.01.07-85* theo hướng tiếp cận với tiêu chuẩn châu Âu và đã ban hành từ tháng 1/2009 theo tên gọi và mã số là CTO 36554501-015-2008 - Tải trọng và tác động. Đồng thời cũng trong năm 2009 LB Nga cho tái bản SNIP 2.01.07-85* trong đó có hiệu đính lại một số lỗi in ấn cho chính xác.

Trong quá trình biên soạn TCVN 2737:1995, một số nội dung trong SNIP 2.01.07-85 đã được hiệu chỉnh. Đó là bản tải trọng tiêu chuẩn trên sàn, vận tốc gió cơ sở, hệ số thay đổi áp lực gió trên cao, hệ số áp lực động của tải trọng gió, hệ số độ tin cậy tải trọng gió, bản xác định tần số giới hạn.

Ngoại trừ những thay đổi chính như đã nêu ở trên, thì các nội dung khác trong TCVN 2737:1995 vẫn được lấy theo các quy định và cách tính toán như trong SNIP 2.01.07-85.

Đến nay, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2737:1995 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế đã được sử dụng 15 năm và cơ sở để biên soạn tiêu chuẩn này là SNIP 2.01.07-85

cũng đã được soát xét lại nhiều lần và có những thay đổi nhất định. Vì vậy, việc soát xét lại TCVN 2737:1995 cho phù hợp thực tế hiện nay là cần thiết.

Tuy nhiên, trong quá trình soát xét, khi nghiên cứu tiêu chuẩn CTO 36554501-015-2008 nhóm đề tài nhận thấy tiêu chuẩn này còn có những nội dung chưa phù hợp và hiện cũng đang được Ban soạn thảo hiệu chỉnh lại, do vậy khi soát xét lại tiêu chuẩn TCVN 2737:1995 nhóm đề tài đã chọn tiêu chuẩn SNIP 2.01.07-85* ban hành năm 2009 làm căn cứ để biên soạn dự thảo tiêu chuẩn TCVN 2737:2010.

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, nhóm đề tài đã dựa vào tiêu chuẩn SNIP 2.01.07-85* để biên soạn dự thảo TCVN 2737:2010, đồng thời giữ lại các nội dung phù hợp của TCVN 2737:1995; sửa lại các lỗi chính tả, thuật ngữ chưa đúng cũng như sửa lại một số nội dung liên quan đến tính toán tải trọng gió, phù hợp với quy định của SNIP 2.01.07-85*. Các số liệu gió được lấy theo quy định của quy chuẩn quốc gia QCVN 02:2009/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu tự nhiên dùng trong xây dựng ở Việt Nam. Việc biên soạn dự thảo cũng tuân thủ quy định của tiêu chuẩn TCVN 1-2:2008 quy định về trình bày và cách thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia. Dự thảo cũng đảm bảo được tính đồng bộ của hệ thống tiêu chuẩn nói chung và của riêng tải trọng và tác động.

Cấu trúc và nội dung chính của dự thảo TCVN 2737:2010 gồm có 6 phần và 11 phụ lục kèm theo. Dự thảo có các phần sau: Tổng quát; nguyên tắc cơ bản; trọng lượng của kết cấu và đất nền; tải trọng do trang thiết bị, người, súc vật, vật liệu và sản phẩm chất kho; tải trọng do

cầu trục và cầu treo; tải trọng gió.

Dự thảo có 11 phụ lục kèm theo như sau:
Phụ lục A: Phương pháp xác định các nội lực tính toán trong các tổ hợp tải trọng cơ bản và đặc biệt; Phụ lục B: Các nhóm chế độ làm việc của cầu trục và cầu treo; Phụ lục C: Tải trọng do va đập của cầu vào gối chắn cuối đường ray; Phụ lục D: Bảng chỉ dẫn xác định các hệ số khí động; Phụ lục E: Bản đồ phân vùng áp lực gió; Phụ lục F: Phân vùng áp lực gió theo địa danh hành chính; Phụ lục G: Áp lực gió cho các trạm quan trắc khí tượng vùng núi và hải đảo; Phụ lục H: Phương pháp xác định mốc chuẩn tính độ cao nhà và công trình; Phụ lục K: Tải trọng gió lớn nhất để thiết kế kết cấu bao che và liên kết; Phụ lục L: Tiện nghi động; Phụ lục M: Chuyển đổi đơn vị kỹ thuật cũ sang hệ đơn vị SI;

Các báo cáo phản biện và ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng nghiệm thu cho rằng đề tài đã được thực hiện nghiêm túc; cấu trúc đầy đủ; trình bày rõ ràng, mạch lạc; những lựa chọn của đề tài là hợp lý và phù hợp. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu dễ sử dụng, ý kiến của chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng nghiệm thu cũng đề nghị nhóm đề tài

tinh giản một số thuật ngữ sử dụng trong dự thảo, làm rõ một số giá trị và công thức được sử dụng để nâng cao tính thống nhất;...

Phát biểu kết luận TS. Nguyễn Trung Hoà - Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đánh giá đây là một tiêu chuẩn có ý nghĩa quan trọng nên việc soát xét sau 15 năm áp dụng là rất cần thiết; tuy nhiên vì là tiêu chuẩn quốc gia nên cần sự nhất quán về cách tính toán; nhiệm vụ của đề tài là soát xét tiêu chuẩn do vậy sau khi dịch cần tiến hành biên tập và bổ sung sửa đổi cho phù hợp, theo hướng lấy cao trình chuẩn là 10 mét, vận tốc gió lấy trung bình trong 3 giây và chu kỳ lặp 20 năm làm cơ sở cho việc thống nhất cách tính toán; việc trình bày thuyết minh và lấy ý kiến cần tuân thủ quy định của Bộ Khoa học và công nghệ. Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đề nghị nhóm đề tài tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo trên cơ sở các ý kiến của Hội đồng. Hội đồng đã thống nhất nghiệm thu kết quả của đề tài và đánh giá đề tài đạt loại Khá.

Huỳnh Phước

Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - thí nghiệm hiện trường: Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn

Ngày 6/5/2011 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ: “Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - thí nghiệm hiện trường: Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn” do Viện KHCN xây dựng Bộ Xây dựng thực hiện; chủ nhiệm đề tài là PGS. TSKH Trần Mạnh Liễu.

Trên thế giới thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thí nghiệm SPT) được sử dụng rộng rãi ở Bắc Mỹ sau đó là châu Âu.

Ở Việt Nam thí nghiệm SPT được bắt đầu sử dụng từ khoảng những năm 1995 và cho đến nay thí nghiệm SPT được sử dụng nhiều trong khảo sát địa kỹ thuật.



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

Tài liệu pháp quy về SPT đang sử dụng chủ yếu ở nước ta là tiêu chuẩn TCXD 226: 1999 -

“Đất xây dựng, phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn”. Tiêu chuẩn này được biên soạn lần đầu vào năm 1999 trên cơ sở tiêu chuẩn Mỹ ASTM D1586-99: “Standard Test Method for Penetration Test and Split Barrel Sampling of Soil”, đến nay đã 10 năm vẫn chưa được soát xét. Trong tiêu chuẩn còn chưa đề cập đến năng lượng hiệu quả của thiết bị và ảnh hưởng của áp lực bản thân của đất (chiều sâu thí nghiệm) đến sức kháng xuyên tiêu chuẩn SPT của đất tức là giá trị SPT chưa được hiệu chỉnh.

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang có chủ trương chuyển đổi toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam theo tiêu chuẩn châu Âu (EN) và tiêu chuẩn thí nghiệm SPT cũng nằm trong kế hoạch chuyển đổi này.

Trước thực trạng trên, để đáp ứng yêu cầu thí nghiệm hiện trường ở nước ta, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện KHCN xây dựng thuộc Bộ thực hiện đề tài KHCN biên soạn tiêu chuẩn “Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - Thí nghiệm hiện trường: Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn”. Việc biên soạn tiêu chuẩn được thực hiện thông qua chuyển dịch từ tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 22476-3: 2005 - Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật - thí nghiệm hiện trường. Phần 3: Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (ISO 22476-3:2005 - Geotechnical investigation and testing - Field testing - Part 3: Standard penetration test).

Tiêu chuẩn EN ISO 22476-3: 2005 do Tiểu ban kỹ thuật về khảo sát và thí nghiệm đất thuộc Ban kỹ thuật của Ủy ban tiêu chuẩn châu Âu soạn thảo và đã được Ban kỹ thuật chính thức phê duyệt ban hành áp dụng. Trước khi phê duyệt ban hành, dự thảo của tiêu chuẩn đã được gửi đi các nước thành viên lấy ý kiến tham khảo trong 2 năm. Tiêu chuẩn chỉ được xuất bản khi được ít nhất 75% các nước thành viên của Liên minh châu Âu chấp nhận. Tiêu chuẩn được phê chuẩn ngày 4/11/2004.

Đây là văn bản tiêu chuẩn mang tính hướng dẫn kỹ thuật cao, tính thực dụng nhiều, dễ hiểu và tiện áp dụng. Nội dung tiêu chuẩn không khác biệt hoàn toàn và không xung khắc với tiêu chuẩn đang được sử dụng quen thuộc và phổ biến ở nước ta hiện nay là TCXD 226:1999 “Đất xây dựng, phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn”, mà chỉ bổ sung thêm 2 phụ lục quan trọng là các hệ số hiệu chỉnh số liệu, phương pháp đo năng lượng thực tế và xác định tỷ số năng lượng của thiết bị. Ưu điểm vượt trội của tiêu chuẩn là đã sử dụng được năng lượng hiệu quả của thiết bị làm cơ sở cho việc kiểm định thiết bị và hiệu chỉnh số liệu thí nghiệm. Tiêu chuẩn cũng chỉ rõ phạm vi hiệu quả của thí nghiệm là đất rời còn các loại đất khác chỉ cho thông tin tham khảo.

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nhóm đề tài đã tiến hành chuyển dịch trung thành tiêu chuẩn EN ISO 22476-3:2005 nêu trên. Ngoài các điều khoản mang tính thủ tục như phạm vi áp dụng, các tiêu chuẩn tham chiếu và thuật ngữ, định nghĩa, nội dung được chuyển dịch còn bao gồm mô tả, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị, quy trình thí nghiệm, kết quả thí nghiệm, lập báo cáo cùng với 2 phụ lục A và B tuy không mang tính bắt buộc nhưng rất quan trọng, trong đó phụ lục A trình bày bản chất và cách sử dụng các hệ số hiệu chỉnh, Phụ lục B khuyến cáo phương pháp đo năng lượng thực tế và xác định tỷ số năng lượng của thiết bị.

Tiêu chuẩn quy định những yêu cầu đối với công tác khảo sát gián tiếp đất nền bằng thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT như một phần của khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật theo tiêu chuẩn EN 1997-1: Thiết kế địa kỹ thuật-Phần 1: Các nguyên tắc chung và tiêu chuẩn EN 1997-2: Thiết kế địa kỹ thuật-Phần 2: Các thí nghiệm trong phòng phục vụ thiết kế để bổ sung cho các khảo sát trực tiếp.

Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn được thực hiện nhằm xác định sức kháng xuyên của đất tại đáy

lỗ khoan khi đóng xuống một ống mẫu chẻ đôi vào đất, lấy mẫu đất xáo động để nhận dạng đất (gọi là thí nghiệm SPT). Trong nền đất có chứa dăm sỏi và trong nền đá mềm thì cũng có thể sử dụng mũi xuyên hình côn đặc (lúc này gọi là thí nghiệm SPT(C)).

Thí nghiệm SPT được sử dụng chủ yếu để đánh giá các tham số về cường độ và biến dạng của nền đất rời, tuy nhiên một số số liệu có giá trị có thể thu được trong các dạng nền đất khác.

Sau khi nghe nhóm đề tài báo cáo, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng nghiệm thu đã tham gia ý kiến về kết quả của đề tài và trao đổi về việc làm thế nào để có thể triển khai áp dụng tiêu chuẩn trong thực tế xây dựng ở nước ta. Các ý kiến tham gia cho rằng việc biên soạn và ban hành tiêu chuẩn là thực sự cần thiết, nội dung của tiêu chuẩn mang tính tiến bộ mà hiện đã và đang được áp dụng phổ biến trên thế giới. Tuy nhiên, các ý kiến tham gia cũng khuyến nghị nhóm đề tài tiếp tục chuẩn hoá một số từ ngữ, thuật ngữ của bản dịch sao cho thống nhất với từ ngữ đã và đang được sử dụng rộng rãi ở nước ta; bổ sung các hình vẽ và chuẩn hoá kích thước thiết bị sử

dụng trong thực hiện thí nghiệm,... Mặt khác do việc áp dụng tiêu chuẩn sẽ đòi hỏi bổ sung các trang thiết bị nên cũng cần có giai đoạn chuẩn bị cho việc áp dụng tiêu chuẩn.

Phát biểu kết luận TS. Nguyễn Trung Hoà - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cho biết việc biên soạn và ban hành tiêu chuẩn là cần thiết và sẽ thay thế tiêu chuẩn liên quan đang áp dụng ở nước ta hiện nay, do vậy nhóm đề tài cần hoàn chỉnh kết quả trên cơ sở ý kiến của Hội đồng và theo hướng chuyển dịch hợp lý đặc biệt là các thuật ngữ Anh - Việt, lưu ý bổ sung các nội dung còn phù hợp của tiêu chuẩn TCXD 226:1999 về thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn đang được áp dụng; trình bày theo mẫu bảo đảm yêu cầu chuẩn hoá; lưu ý bổ sung ghi chú tiếng Anh cho các thuật ngữ và định nghĩa, các số liệu tham khảo đối với đo năng lượng thực tế. Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cho biết Hội đồng nhất trí nghiệm thu và đánh giá đề tài đạt loại Khá.

Huỳnh Phước

Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam "Thi công cọc nhồi đường kính nhỏ"

Ngày 11/5/2011 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN: biên soạn tiêu chuẩn "Thi công cọc nhồi đường kính nhỏ" do TS. Trịnh Việt Cường - Viện KHCN Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Xuất phát từ thực tiễn hiện nay, trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam chưa có tiêu chuẩn về thi công và nghiệm thu cọc nhồi đường kính nhỏ dưới 300mm, Bộ Xây dựng đã giao Viện KHCN Xây dựng thực hiện đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn "Thi công cọc nhồi đường



Chủ nhiệm đề tài TS. Trịnh Việt Cường báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu

kinh nhỏ" để làm căn cứ hướng dẫn công tác thi công và nghiệm thu cọc nhồi đường kính nhỏ,

góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn về thi công cọc nhồi.

Theo báo cáo của nhóm nghiên cứu đề tài, dự thảo tiêu chuẩn "Thi công cọc nhồi đường kính nhỏ" dựa trên việc chuyển dịch tiêu chuẩn châu Âu "EN14199: 2005 - Thực hiện các công việc địa kỹ thuật đặc biệt - cọc tiết diện nhỏ". Dự thảo tiêu chuẩn được thực hiện trung thành với tài liệu gốc và có bổ sung thêm bảng phụ lục về phân cấp ăn mòn.

Đánh giá về bản dự thảo tiêu chuẩn, các chuyên gia của Hội đồng và các báo cáo phản biện đều thống nhất, việc biên soạn và ban hành tiêu chuẩn "Thi công cọc nhồi đường kính nhỏ" là cần thiết, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, dự thảo tiêu chuẩn đã được biên soạn có chất lượng tốt, sát với tiêu chuẩn gốc, phù hợp với các thuật ngữ chuyên ngành địa kỹ thuật và thi công cọc, kết cấu tiêu chuẩn phù

hợp. Tuy nhiên để dự thảo tiêu chuẩn này được ban hành và dễ áp dụng, nhóm biên soạn cần bổ sung phụ lục trích dẫn các tiêu chuẩn châu Âu được viện dẫn trong dự thảo tiêu chuẩn, tham chiếu các tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng đã được ban hành về sử dụng vật liệu, phương pháp thi công và gia tải, bổ sung các điều kiện của Việt Nam về công tác hồ sơ, nghiệm thu...

Thay mặt Hội đồng, TS. Nguyễn Trung Hòa đã phát biểu kết luận đề nghị nhóm đề tài tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn, dự thảo thuyết minh đề tài, dự thảo thuyết minh giải trình về việc tiếp thu các ý kiến góp ý để trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và ban hành. Kết quả nghiên cứu của nhóm đề tài đã được Hội đồng thông qua và xếp loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 4/2011

Trong tháng 4/2011 đã có 41 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận và cho phép đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN kiểm định XD thuộc Cty Kiểm định XD Sài Gòn Số 27 A, Kỳ Đồng, phường 9 - quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 17	QĐ số 89/QĐ-BXD ngày 14/3/2011 có hiệu lực đến: 14/3/2014
2	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư XD Nam Việt Số 79A, Nguyễn Bình Khiêm - Tp. Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang	LAS-XD 1086	QĐ số 90/QĐ-BXD ngày 14/3/2011 có hiệu lực đến: 14/3/2014
3	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty CP thương mại và XD Hà Sơn Số 66 đường Cao Lỗ - xã Uy Nỗ - huyện Đông Anh - Tp. Hà Nội	LAS-XD 1092	QĐ số 129/QĐ-BXD ngày 01/4/2011 có hiệu lực đến: 01/4/2014

4	Phòng TN và kiểm định chất lượng XD thuộc Cty CP công trình giao thông 481 Số 26, Ngũ Xá - phường Trúc Bạch - quận Ba Đình - Tp. Hà Nội	LAS-XD 1087	QĐ số 130/QĐ-BXD ngày 01/4/2011 có hiệu lực đến: 01/4/2014
5	Phòng TN và kiểm định chất lượng XD thuộc Cty CP XD và phát triển hạ tầng Tây Hồ Nhà số 7, N406/63 Âu Cơ - phường Nhật Tân - quận Tây Hồ - Tp. Hà Nội	LAS-XD 1108	QĐ số 131/QĐ-BXD ngày 01/4/2011 có hiệu lực đến: 01/4/2014
6	Phòng TN và kiểm định chất lượng XD thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định chất lượng công trình Nam Định Số 7B, đường Nguyễn Văn Trỗi - phường Năng Tĩnh - Tp. Nam Định - tỉnh Nam Định	LAS-XD 1093	QĐ số 132/QĐ-BXD ngày 01/4/2011 có hiệu lực đến: 01/4/2014
7	Phòng TN tổng hợp thuộc Cty TNHH tư vấn XD CDC Số 265-267, Trần Phú - Tp. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	LAS-XD 631	QĐ số 133/QĐ-BXD ngày 04/4/2011 có hiệu lực đến: 01/4/2014
8	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty TNHH tư vấn công trình Gia Hưng Số 48, Nguyễn Sinh Sắc - phường Quang Trung - Tp. Kon Tum - tỉnh Kon Tum	LAS-XD 648	QĐ số 134/QĐ-BXD ngày 04/4/2011 có hiệu lực đến: 04/4/2014
9	Phòng TN chuyên ngành XD - giao thông thuộc Cty TNHH Nguyễn Hoàng Phường Tân Phú - thị xã Đông Xoài - tỉnh Bình Phước	LAS-XD 251	QĐ số 135/QĐ-BXD ngày 04/4/2011 có hiệu lực đến: 04/4/2014
10	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty TNHH tư vấn kiểm định XD Lam Sơn Số 3 - chợ Phan Chu Trinh - khối 3 - phường Tân Lợi - Tp. Buôn Ma Thuột	LAS-XD 629	QĐ số 140/QĐ-BXD ngày 08/4/2011 có hiệu lực đến: 08/4/2014
11	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn công nghệ và kiểm định XD Số 90 Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân Trung - quận Thanh Xuân - Tp. Hà Nội	LAS-XD 430	QĐ số 142/QĐ-BXD ngày 09/4/2011 có hiệu lực đến: 08/4/2014
12	Phòng TN kiểm định chất lượng XD thuộc Trung tâm Quy hoạch kiểm định chất lượng XD Số 02, Nguyễn Đức Cảnh - phường Mỹ Hải - Tp. Phan Rang Tháp Chàm - tỉnh Ninh Thuận	LAS-XD 110	QĐ số 143/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 22/3/2013

12	Phòng TN kiểm định chất lượng XD thuộc Trung tâm Quy hoạch kiểm định chất lượng XD Số 02, Nguyễn Đức Cảnh - phường Mỹ Hải - Tp. Phan Rang Tháp Chàm - tỉnh Ninh Thuận	LAS-XD 110	QĐ số 143/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 22/3/2013
13	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn XD Việt Nhật Số 59, Đường T4B - phường Tây Thạnh - quận Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 956	QĐ số 144/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 05/7/2013
14	Phòng TN kiểm định VL và cấu kiện XD thuộc Trung tâm kiểm định XD Bình Thuận Số 34, đường Trung Trắc - Tp. Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận	LAS-XD 152	QĐ số 145/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 13/4/2014
15	Phòng TN VLXD và nền móng công trình thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và XD Nam Ninh Số 487, Lê Văn Sỹ - phường 12 - quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 1096	QĐ số 148/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 13/4/2014
16	Trung tâm thí nghiệm VLXD và kiểm định kết cấu công trình thuộc Cty CP tư vấn kiểm định Rạng Đông 84/1A, đường TA32 - phường An Thới - quận 12 - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 1091	QĐ số 149/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 13/4/2014
17	Phòng LAS thuộc Cty CP tư vấn XD Đại Tiến Phát Số 150, đường Lê Thánh Tông - phường Tân Lợi - Tp. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	LAS-XD 1097	QĐ số 150/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 13/4/2014
18	Trung tâm TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP thí nghiệm và kiểm định Ninh Bình Tổ 11 - phường Tân Thịnh - Tp. Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên	LAS-XD 1094	QĐ số 151/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 13/4/2014
19	Phòng TN vật liệu, kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty TNHH tư vấn đầu tư XD Nam Cường. Thanh Vị - xã Thanh Mỹ - Sơn Tây - Hà Nội	LAS-XD 1095	QĐ số 152/QĐ-BXD ngày 13/4/2011 có hiệu lực đến: 13/4/2014
20	Trung tâm TN công trình CMAXX thuộc Cty CP tư vấn quản lý dự án XD CMAXX Phòng 1108, toà nhà 8C - Đại Cồ Việt - Hai Bà Trưng - Hà Nội	LAS-XD 704	QĐ số 154/QĐ-BXD ngày 14/4/2011 có hiệu lực đến: 14/4/2014

21	Phòng TN VLXD và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP kiểm định và dịch vụ XD Hậu Giang Số 139, Ngô Quốc Trị - phường 5 - Tp. Vị Thanh - tỉnh Hậu Giang	LAS-XD 650	QĐ số 156/QĐ-BXD ngày 14/4/2011 có hiệu lực đến: 14/4/2014
22	Phòng TN VLXD thuộc Cty TNHH một thành viên XD Hoàng Dũng Km51, khu 4 - phường Cẩm Thượng - Tp. Hải Dương - tỉnh Hải Dương	LAS-XD 517	QĐ số 157/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 03/2/2013
23	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư và XD Phú Yên Số 15, Lê Thánh Tôn - phường 1 - Tp. Tuy Hoà - tỉnh Phú Yên	LAS-XD 623	QĐ số 158/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2014
24	Phòng TN và kiểm tra chất lượng công trình XD - giao thông Lào Cai Số 128, đường Hoàng Liên - Tp. Lào Cai - tỉnh Lào Cai	LAS-XD 663	QĐ số 159/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2014
25	Phòng TN kiểm định XD thuộc Doanh nghiệp tư nhân XD Xuân Trường Số 16, Đường Xuân Thành - phường Tân Thành - Tp. Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình	LAS-XD 315	QĐ số 160/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2014
26	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP XD Hồng Hải Số 31/293 Nguyễn Lương Bằng - Tp. Hải Dương - tỉnh Hải Dương	LAS-XD 726	QĐ số 161/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2014
27	Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn kiểm định XD Hậu Giang Ấp Phú Nhơn - xã Đông Phú - huyện Châu Thành - tỉnh Hậu Giang	LAS-XD 1119	QĐ số 162/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2014
28	Trung tâm TN kiểm định XD thuộc Cty CP thương mại XD Bạch Đằng Số 281, tổ 11A, khu 3 - phường Hồng Hải - Tp. Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh	LAS-XD 662	QĐ số 163/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2014
29	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Chi nhánh tư vấn giám sát và thí nghiệm VLXD - TCty công trình giao thông Thanh Hoá - Cty CP Núi 1, xã Đông Lĩnh - huyện Đông Sơn - tỉnh Thanh Hoá	LAS-XD 344	QĐ số 164/QĐ-BXD ngày 18/4/2011 có hiệu lực đến: 18/4/2013

30	<p>Trung tâm tư vấn và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty TNHH tư vấn và XD Đại Minh</p> <p>Số 300 Sư Vạn Hạnh - phường Duy Tân - Tp. Kon Tum - tỉnh Kon Tum</p>	<p>LAS-XD 646</p>	<p>QĐ số 168/QĐ-BXD ngày 20/4/2011 có hiệu lực đến: 20/4/2014</p>
31	<p>Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Trung tâm khảo sát thí nghiệm kiểm định - Cty CP tư vấn XD và đầu tư Quảng Ngãi</p> <p>Số 10, Nguyễn Trãi - Tp. Nguyễn Trãi - tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p>LAS-XD 655</p>	<p>QĐ số 169/QĐ-BXD ngày 22/4/2011 có hiệu lực đến: 22/4/2014</p>
32	<p>Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty TN HH tư vấn thiết kế Kiến Tân</p> <p>Lô 101, Khu B2-2 Khu dân cư Đông sân bay Đà Nẵng - quận Hải Châu - Tp. Đà Nẵng</p>	<p>LAS-XD 647</p>	<p>QĐ số 170/QĐ-BXD ngày 22/4/2011 có hiệu lực đến: 22/4/2014</p>
33	<p>Trung tâm địa kỹ thuật và TN VLXD thuộc Chi nhánh địa chất - địa vật lý Miền Trung</p> <p>Số 79, Nguyễn Hữu Thọ - quận Hải Châu - Tp. Đà Nẵng</p>	<p>LAS-XD 352</p>	<p>QĐ số 171/QĐ-BXD ngày 22/4/2011 có hiệu lực đến: 22/4/2014</p>
34	<p>Phòng TN VLXD và chất lượng công trình thuộc Cty CP Khoa học kỹ thuật Phương Thiên</p> <p>Số 887, Ngô Quyền - quận Sơn Trà - Tp. Đà Nẵng</p>	<p>LAS-XD 653</p>	<p>QĐ số 172/QĐ-BXD ngày 22/4/2011 có hiệu lực đến: 22/4/2014</p>
35	<p>Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH một thành viên tư vấn Thủy Sơn</p> <p>Số 54 đường Trần Đăng Ninh - phường Quyết Tâm - Tp. Sơn La - tỉnh Sơn La</p>	<p>LAS-XD 1113</p>	<p>QĐ số 173/QĐ-BXD ngày 25/4/2011 có hiệu lực đến: 25/4/2014</p>
36	<p>Phòng TN kiểm định VLXD và địa kỹ thuật thuộc Cty TNHH tư vấn khảo sát XD Thế Kỷ</p> <p>Số 15/29, Phan Đăng Lưu - phường 9 - Tp. Tuy Hoà - tỉnh Phú Yên</p>	<p>LAS-XD 1103</p>	<p>QĐ số 174/QĐ-BXD ngày 25/4/2011 có hiệu lực đến: 25/4/2014</p>
37	<p>Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn khảo sát XD Quang Đạt</p> <p>Số 143, Phạm Như Xương - quận Liên Chiểu - Tp. Đà Nẵng</p>	<p>LAS-XD 1107</p>	<p>QĐ số 175/QĐ-BXD ngày 25/4/2011 có hiệu lực đến: 25/4/2014</p>
38	<p>Trung tâm TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định Đại Đồng Lộc</p> <p>Số 45B. Tố Hữu - quận Hải Châu - Tp. Đà Nẵng</p>	<p>LAS-XD 649</p>	<p>QĐ số 176/QĐ-BXD ngày 25/4/2011 có hiệu lực đến: 25/4/2014</p>

39	Phòng TN VLXD thuộc Cty CP tư vấn 1105 Phường Đô Lương - Tp. Đông Hà - tỉnh Quảng Trị	LAS-XD 1105	QĐ số 177/QĐ-BXD ngày 26/4/2011 có hiệu lực đến: 26/4/2014
40	Phòng TN - kiểm định chất lượng XD - giao thông thuộc Cty CP tư vấn kiến trúc XD công trình giao thông SG Số 254, Bình Lợi - phường 13 - quận Bình Thạnh - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 240	QĐ số 181/QĐ-BXD ngày 27/4/2011 có hiệu lực đến: 27/4/2014
41	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty CP BPT Kiệt 180 Hàm Nghi - phường 5 - Tp. Đông Hà - tỉnh Quảng Trị	LAS-XD 1110	QĐ số 182/QĐ-BXD ngày 27/4/2011 có hiệu lực đến: 27/4/2014

Huỳnh Phước

Đánh giá những tác động của vật liệu tới môi trường

Việc xác định chỉ số môi trường của các vật liệu gỗ, bê tông và thép là quan trọng trong việc thiết kế các toà nhà bền vững.

Theo đánh giá của Bộ Năng lượng Mỹ, các toà nhà chiếm tới 38% tổng tiêu thụ năng lượng của Mỹ và chiếm 38% tổng phát thải dioxit cacbon (CO₂) của Mỹ. Con số thống kê trên khiến cho ngành xây dựng và kiến trúc phải tìm ra những phương hướng nhằm giảm chỉ số môi trường của các công trình xây dựng trong tương lai. Việc tìm kiếm đặc biệt gây áp lực đối với lĩnh vực nhà ở thương mại mà chỉ số phát thải CO₂ sẽ tăng nhanh hơn so với bất kỳ lĩnh vực nào khác, tăng trung bình 1,8%/năm cho đến năm 2030. Đây là vấn đề phức tạp, tuy nhiên có một câu trả lời tương đối khả quan đó là: giảm việc đốt các nhiên liệu hoá thạch có thể phát thải khí nhà kính (GHG) khiến cho toàn cầu bị nóng lên. Giảm phát thải GHG gồm có lựa chọn các vật liệu có tích trữ năng lượng thấp và phát thải thấp và có khả năng tái chế (sử dụng lại) cao.

Trong số những vật liệu xây dựng “xanh” hàng đầu phải kể đến gỗ. Những nghiên cứu khoa học quốc tế chứng tỏ rằng các sản phẩm xây dựng bằng gỗ phát thải GHG ít hơn so với

các sản phẩm không phải bằng gỗ. Dưới đây trình bày những nghiên cứu và thực tiễn chỉ ra sự khác nhau của 3 loại vật liệu chính - gỗ, bê tông và thép liên quan đến chỉ tiêu môi trường của chúng trong các giai đoạn thuộc vòng đời của chúng gồm: khai thác nguyên liệu, sản xuất- chế biến và vận chuyển. Những vấn đề như khai thác có trách nhiệm, sự bền vững và vấn đề cộng đồng cũng được bàn tới.

Đánh giá vòng đời:

Một phương pháp để xác định những tác động tới môi trường của những vật liệu xây dựng khác nhau đó là xác định vòng đời(LCA) của chúng, đây là phương pháp quốc tế xác định những diễn biến trong tất cả các pha của vòng đời của sản phẩm, từ khi sinh ra tới khi “chết”, có tác động tới môi trường. Dựa trên các tiêu chuẩn Quốc tế ISO và trên cơ sở khoa học, LCA tác động tới môi trường theo thời gian từ khai thác, chế biến đến vận chuyển, tàng trữ, sử dụng, tái chế, sử dụng lại và thải ra bãi. LCA được xác định trên trình độ của sản phẩm, trình độ lắp ráp và toàn bộ trình độ xây dựng, thu được trong việc nghiệm thu, được so sánh công bằng đối với các vật liệu dựa trên khả năng của

chúng tham gia làm trái đất nóng lên.

Trong một số công trình nghiên cứu, đánh giá LCA của gỗ cho thấy gỗ có tác động tới môi trường tốt hơn thép hoặc bê tông, gỗ có tác động thấp nhất tới năng lượng, khí hậu và phát thải bụi. Tại New Zealand, nghiên cứu của Viện Scion về LCA cho thấy một ngôi nhà gỗ có tác động môi trường thấp nhất. Hiệp hội Gỗ Canada và Côngxooxiom Nghiên cứu sử dụng lại các vật liệu công nghiệp (CORRIM) ở Mỹ cũng xác định được gỗ có tác động thấp nhất tới môi trường so với bê tông và thép. Nghiên cứu của CORRIM cho thấy chỉ số tác động môi trường của một ngôi nhà khung thép cao hơn 26% và nhà khung bê tông cao hơn 31% so với ngôi nhà khung gỗ. Ở Thụy Điển, các nhà nghiên cứu đã so sánh chỉ số phát thải CO₂ từ việc xây dựng một toà nhà cao tầng có khung bằng gỗ và thép căn cứ vào vòng đời và tương lai sử dụng đất rừng. Căn cứ vào chỉ số tiêu hao năng lượng, trước hết là các nhiên liệu hoá thạch trong sản xuất các vật liệu xây dựng, cho thấy chỉ số tiêu hao năng lượng của các khung bê tông cốt thép cao hơn 81% so với khung gỗ.

Do tính toán những tác động của vòng đời là phức tạp và tốn nhiều thời gian, mà hiện nay có những công cụ trợ giúp cho các kiến trúc sư có thể xác định được những tác động tới môi trường của các loại vật liệu khác nhau. Các nguồn trên mạng (Online) như EcoCalculator (máy đo sinh thái) đánh giá tác động của lắp ráp tới môi trường của ATHENA, cung cấp các số đo LCA trên hàng trăm công việc lắp ráp các toà nhà công cộng, và máy đo chỉ số cacbon của Build Carbon Neutral cung cấp cho các kiến trúc sư một công cụ khác để đánh giá sự bền vững của các đồ án xây dựng của họ. Bằng cách khai thác các thông số đặc trưng, những nguồn này có thể đánh giá được yêu cầu năng lượng cần thiết để xây dựng công trình.

Những tính toán tác động của LCA cho thấy những ưu điểm về môi trường của gỗ, bởi vì chúng có năng lượng hiện thân thấp, và do các

tính chất tàng trữ cacbon khiến cho gỗ trở thành vật liệu có tác động tốt tới môi trường.

Để cho môi trường trở nên xanh, thì vấn đề chính là giảm lượng phát thải cacbon. Theo đánh giá của Hội Kiến trúc sư Canada thì trên 5% cacbon thải ra môi trường là từ bê tông. Thép cũng có tác động mạnh tới môi trường. Các kiến trúc sư đang nghiên cứu thiết kế và xây dựng những ngôi nhà trung hoà cacbon.

CREE- Tổ chức Tái tạo năng lượng hiệu quả quốc tế đã thiết kế một toà nhà 30 tầng cacbon thấp sử dụng hỗn hợp và được xây dựng ở Dornbirn, Áo, với hệ kết cấu hỗn hợp trước hết là bằng gỗ. Móng, tầng 1 và 2 bằng bê tông cốt thép; sàn từ tầng 2 trở lên bằng vật liệu hỗn hợp (composite) gỗ/bê tông; các cột mặt tiền sử dụng gỗ. CREE khẳng định rằng, so với toà nhà thông thường, thì toà nhà này giảm được một nửa thời gian thi công và giảm được 90% phát thải cacbon.

Tiến về tương lai:

Để tiến tới xây dựng những ngôi nhà trung hoà cacbon, các nhà sản xuất vật liệu xây dựng nhận thức tốt rằng cần phải cải thiện chỉ số môi trường cho các sản phẩm của họ. Hai ngành công nghiệp thép và bê tông đang nỗ lực cải thiện hiệu quả của các quá trình sản xuất và xây dựng, cũng như cải thiện những tính chất về môi trường và chịu lực của các sản phẩm. Theo Hiệp hội Thép thế giới, trong 30 năm gần đây ngành công nghiệp thép đã giảm được 50% tiêu hao năng lượng cho sản xuất một tấn thép. Tuy nhiên, Hiệp hội cho rằng dường như tất cả mọi nỗ lực vẫn dựa trên công nghệ hiện có. Để có hiệu quả cao hơn về môi trường, thì công nghệ chế tạo thép phải có những bước tiến đột phá, như chế tạo các loại thép thế hệ mới nhẹ hơn và cường độ cao hơn, cũng như có khả năng tái chế và sử dụng các sản phẩm phụ.

Đối với bê tông, Trường Đại học Massachusetts chứng minh rằng các ngôi nhà làm bằng bê tông cách nhiệt (ICF) tiết kiệm được 20% năng lượng cho nhu cầu sưởi ấm, làm mát và thông

gió so với những ngôi nhà khung gỗ thông thường. Mặc dù công nghệ ICF đã ra đời được 50 năm, nhưng chỉ mấy năm gần đây việc xây dựng nhà kết cấu ICF mới được phát triển trong thị trường nhà công nghiệp, nhà ở nhiều căn hộ và nhà thương mại “nhạy cảm” về giá ở Mỹ.

Những đổi mới về kỹ thuật trong ngành gỗ cũng được phát triển. Các kiến trúc sư coi gỗ là

vật liệu xây dựng có thể tạo ra được các kết cấu thương mại dài hơn, lớn hơn. Những thể hệ kết cấu gỗ ép hiện đại đang tạo ra ưu thế sử dụng gỗ hiệu quả trong xây dựng, đó là những kết cấu nhịp lớn.

Đình Bá Lô

Theo “Architectural Record” Mỹ N3/2011

Những xu hướng kết hợp trong thiết kế cấp phối bê tông ở Mỹ

Công nghiệp bê tông có thể biến đổi chậm, nhưng nó thay đổi khi các nhà sản xuất, thiết kế và các nhà thầu phát triển và công nhận những hướng đi mới tốt hơn nhằm giải quyết những vấn đề có tính bền vững lâu dài. Nó cũng có thể thay đổi nhằm đáp ứng những thay đổi trong nền văn hoá trên nghĩa rộng, như tăng thêm hiểu biết và liên quan tới sự bền vững lâu dài và an toàn. Dưới đây trình bày về những sản phẩm và những giải pháp mới bắt đầu có ảnh hưởng tới các thiết kế cấp phối hỗn hợp bê tông và đang phổ biến nhanh chóng ở Mỹ.

Trên nghĩa rộng, sự bền vững lâu dài là nguồn lực thúc đẩy đứng sau phần lớn những đổi mới vừa qua trong công nghiệp xây dựng. Một mục tiêu đã đạt được đó là chế tạo được các kết cấu cường độ cao, bền vững sử dụng các vật liệu một cách hiệu quả. Mặt khác, giảm được những nguồn năng lượng không tái tạo, cần thiết cho sản xuất, vận chuyển và lắp đặt các sản phẩm xây dựng. Điểm nữa là giảm được năng lượng tiêu thụ trong khai thác sử dụng và duy tu sửa chữa các toà nhà. Thiết kế cấp phối hỗn hợp bê tông đang thay đổi theo hướng giúp cho đạt được tất cả các mục tiêu trên.

Quan điểm của nhà sản xuất:

Kevin A. MacDonald, phó giám đốc kỹ thuật của Cemstone Concrete Products Co., cho rằng một số phương hướng thiết kế cấp phối hỗn hợp bê tông đã thay đổi và sẽ tiếp tục thay đổi, phần lớn do liên quan tới sự bền vững lâu dài. Kevin cho rằng hiện nay người ta đã rời bỏ

ý tưởng: lượng xi măng hay tỷ lệ nước/xi măng (N/X) là chìa khoá quyết định bê tông chất lượng cao. Khi cho thêm xi măng pooc lăng vào hỗn hợp thì thiết kế thường đạt được các kết quả nhanh nhất và dễ dàng nhất, nhưng nó không đạt tới bền vững lâu dài nhất. Xu hướng hiện nay là tìm kiếm những phương pháp khác, có hiệu quả về năng lượng hơn và thân thiện với môi trường hơn.

Một trong các phương pháp đó là thay xi măng pooc lăng bằng tro bay, xỉ lò cao, metakaolin và các chất pudolan khác. Là những sản phẩm phụ của các ngành công nghiệp khác, các chất kết dính thay thế này (SCM) có ảnh hưởng tốt tới độ bền và các tính chất mong muốn khác của bê tông với nhu cầu năng lượng ít hơn và phát thải cacbon ít hơn so với việc sử dụng toàn bộ xi măng pooc lăng cho hỗn hợp bê tông. Việc sử dụng SCM với hàm lượng hợp lý và những hiệu quả có lợi của chúng là yếu tố cần thiết đảm bảo vai trò quan trọng của chúng trong hỗn hợp bê tông.

Mặt khác, Kevin còn đề cập tới tiềm năng sử dụng các cốt liệu tái chế trong bê tông theo tiêu chuẩn ASTM C33. Có quan niệm cho rằng bê tông cốt liệu tái chế có chất lượng thấp hơn, nhưng theo Kevin quan niệm đó không đúng, trên thực tế có thể còn tốt hơn vì hỗn hợp này có chứa một số chất kết dính còn sót lại. Theo ông cần có nhiều nỗ lực hơn trong việc phân loại và sử dụng lại các vật liệu tái chế để làm bê tông.

Kevin cũng xem xét xu hướng nhằm thương

mại hoá các thiết kế cấp phối hỗn hợp bê tông. Các nhà sản xuất bê tông trộn sẵn cần phối hợp chặt chẽ với các khách hàng là những nhà thầu nhằm đạt được các tính chất theo ý muốn trong hỗn hợp bê tông dẻo, sử dụng các chất kết dính và các cốt liệu đặc biệt khi có thể. Các nhà thầu thường quan tâm tới các tính chất như thời gian đông kết và phát triển cường độ, còn các nhà sản xuất lại tìm hiểu kỹ hơn về các phụ gia khác nhau có tác dụng như thế nào để đạt được các kết quả theo ý muốn.

Tiếp theo, Kevin cho rằng các phương pháp gia khí cũng sẽ tạo ra những thay đổi trong 10 năm tới.

Các hạt polystyrene nở (EPS) trong hỗn hợp bê tông:

Một sản phẩm mới tạo ra sự khác nhau trong các hỗn hợp bê tông đó là phụ gia có tên là Elemix. Nó gồm có các hạt cầu polystyrene nở nhằm làm giảm tính dễ thay đổi của các hỗn hợp bê tông trong khi đó lại cải thiện được các tính chất của bê tông. Phụ gia này được Syntheon Inc., Moon Township, Pa., chế tạo và được giới thiệu tại Triển lãm "World of Concrete" tại Mỹ năm 2009. Phụ gia này bổ sung hay thay thế cho các cốt liệu khác nhằm tạo ra hỗn hợp nhẹ hơn mà đạt được cường độ chịu nén cho kết cấu. Nó cũng làm tăng các tính chất cách nhiệt, khả năng chống nứt của bê tông, tăng khả năng bơm của hỗn hợp.

Một yếu tố quan trọng tạo ra ưu điểm của phụ gia này đó là nó giảm được nhu cầu sử dụng phụ gia gia khí thông thường. Các hạt chịu nén và có tác dụng như các bọt khí khi nước đóng băng. Các hỗn hợp chứa hạt EPS không có phụ gia gia khí chịu được 999 chu trình thử kháng đóng băng/tan băng theo tiêu chuẩn ASTM C - 666 của Mỹ.

Phụ gia này cũng tạo ra bê tông có khả năng kéo giãn dài hơn, bởi vậy nó giảm được nứt do co ngót của bê tông đáng kể. Nó ngăn ngừa vi nứt tạo ra dưới bề mặt bê tông, về tổng thể tạo ra bê tông có vết nứt nhỏ hơn và ít hơn.

Elemix đã được sử dụng để thay cho 1/2 cốt

liệu nhẹ trong bê tông để đúc 20 ghế ngồi tại Trung tâm Rose Event của Đại học Michigan.

Cốt vi sợi:

Một thế hệ mới của các sản phẩm gia cường bằng cốt sợi tổng hợp đang giúp tạo ra sợi bền dài và mảnh từ những sợi tơ ban đầu của vật liệu. Các vi sợi tổng hợp là sợi đơn polypropylene và nylon và được làm biến dạng tạo thành lưới sợi polypropylene, có khả năng tồn tại nhiều thập niên. Những lưới sợi này được thiết kế nhằm giảm co ngót dẻo và giúp kiểm soát nứt do nhiệt khi cho chúng vào hỗn hợp bê tông. Tuy nhiên, hiệu quả của chúng cũng bị hạn chế, do việc trộn và rải các sợi gặp khó khăn khi sử dụng liều lượng cao đủ để giảm được nứt đáng kể.

Năm 1999, Forta Corp., Grove City Pa đã giới thiệu vi sợi tổng hợp là sản phẩm gia cường mang đặc tính đáp ứng được những thách thức về trộn, đổ và hoàn thiện bê tông với liều dùng sợi cao. Sản phẩm sợi mới hơn đã được bện đôi để tránh vón cục, và thay đổi thành phần hoá học cũng như sợi dài hơn để tăng độ bền, bê tông màu xám với hình dạng sợi đặc biệt nhằm làm tăng khả năng hoàn thiện.

Khả năng kết hợp hàm lượng cao sợi tổng hợp vào bê tông sàn cho phép tăng khả năng giãn dài của tấm, ngăn ngừa được nứt, trong khi đó vẫn duy trì được bề mặt cứng, bền và cường độ cao chịu được tải trọng nặng. Dự án thử nghiệm chứng tỏ rằng, bề rộng mỗi nối trong tấm sàn bê tông cốt sợi có thể rộng hơn đáng kể mà không gây ảnh hưởng tới tính năng của chúng.

Vào đầu năm 2009, người ta đã tiến hành thí nghiệm hiện trường ở Bartlett, Ill., để chứng minh việc thiết kế hỗn hợp có biến đổi như thế nào, ảnh hưởng của kích thước cốt liệu và tỷ lệ cấp phối, các phụ gia, các phương pháp hoàn thiện, ảnh hưởng của gia cường bằng cốt sợi tổng hợp tới độ co ngót và cong vênh của tấm sàn.

Đinh Bá Lô

Theo "Concrete Construction" N2/2011

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Ảnh hưởng của thời gian ngừng nghỉ đối với các đặc tính tươi của bê tông tự đầm

*Tác giả: Hamidou Diawara và Nader Ghafoori
Tạp chí Vật liệu xây dựng số 3, tháng 5/2011 -
Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của thời gian ngừng nghỉ (dừng thi công) đối với các đặc tính tươi của các loại bê tông tự đầm có các mức độ sụt là 508, 635 và 711mm. Thời gian ngừng nghỉ được thiết kế trong nghiên cứu này là 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80 và 90 phút. Đặc tính tươi của các mẫu bê tông tự đầm do tác động của thời gian ngừng nghỉ dưới dạng tổn thất độ chảy sự tăng thêm về tốc độ chảy và sự ổn định động được ghi lại. Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất những giải pháp trong đó có việc sử dụng phụ gia để khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực do thời gian dừng thi công đối với đặc tính tươi của các loại bê tông tự đầm trong phạm vi nghiên cứu.

www.concrete.org

Các thí nghiệm cháy đối với dầm bê tông được gia cường bằng thanh polime cốt sợi cacbon và hỗn hợp

*Tác giả: Muhammad Masood Rafi và Ali Nadjai
Tạp chí Vật liệu xây dựng số 3, tháng 5/2011 -
Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

Tóm tắt:

Các thanh polime cốt sợi (FRP) được làm từ các vật liệu cải tiến và việc thiết lập khả năng chống cháy của bê tông cốt thanh polime cốt sợi là rất cần thiết để giúp cho việc mở rộng ứng dụng của loại bê tông này. Trong bài viết này, các tác giả giới thiệu một công trình nghiên cứu thực nghiệm về ứng xử của các dầm bê tông được gia cường bằng các thanh polime cốt sợi cacbon và dầm hỗn hợp thép - sợi cacbon trong

điều kiện nhiệt độ tăng dần. Các dữ liệu thu được từ các thí nghiệm cháy đối với 6 mẫu dầm đỡ được chế tạo bằng bê tông trọng lượng thông thường. Ảnh hưởng của lớp vỏ bê tông các sự bố trí cốt được nghiên cứu. Các kết quả thí nghiệm cho thấy các dầm có cốt gia cường hỗn hợp có độ dẻo cao hơn nhưng độ cứng kém hơn so với dầm cốt thanh polime sợi cacbon.

www.concrete.org

Các đặc tính cơ học của bê tông polime tro bay

Tác giả: E. Ivan Diaz-Loya, Erez N.Allouche và Saiprasad Vaidya

*Tạp chí Vật liệu xây dựng số 3, tháng 5/2011 -
Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

Tóm tắt:

Trong bài này, nhóm tác giả giới thiệu công trình nghiên cứu về các đặc tính cơ học của bê tông sinh thái (geopolymer - GPC). Các số liệu đo được thông qua nghiên cứu thực nghiệm như mô đun đàn hồi tĩnh, hệ số Poison, cường độ chịu nén, cường độ chịu uốn của các mẫu bê tông GPC sử dụng 25 loại tro bay được ghi lại và phân tích. Các kết quả được nghiên cứu theo phương pháp phân tích hồi quy để xác định các khuynh hướng và sự tương quan giữa các đặc tính cơ học của bê tông GPC. Nhóm nghiên cứu đã phát hiện ứng xử cơ học của bê tông GPC tương tự như bê tông xi măng portland thông thường, và đề xuất các phương trình giống như các phương trình trong tiêu chuẩn ACI318-08 có thể áp dụng cho bê tông GPC để xác định cường độ chịu uốn và mô đun đàn hồi tĩnh.

www.concrete.org

Nghiên cứu sự tỏa nhiệt khi dưỡng hộ bê tông tro bay có hàm lượng nước/xi măng khác nhau

Tác giả: A.K.H.Kwan, W.W.S Fung, J.J.Chen

*Tạp chí Vật liệu xây dựng số 3, tháng 5/2011 -
Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

Tóm tắt:

Mọi người đều biết sự tỏa nhiệt của bê tông trong giai đoạn dưỡng hộ cao hơn trong trường hợp hàm lượng xi măng cao và thấp hơn nếu thay thế một phần xi măng bằng tro bay. Tỷ lệ nước/vật liệu kết dính dạng xi măng có thể ảnh hưởng đến tỷ trọng vật liệu kết dính có phản ứng với nước. Để nghiên cứu ảnh hưởng tổng hợp của sự thay thế một phần xi măng bằng tro bay và tỷ lệ nước/xi măng, người ta tiến hành thí nghiệm với các mẫu hỗn hợp bê tông trong điều kiện nhiệt độ biến thiên từ 0 đến 40% và tỷ lệ nước/xi măng từ 0,24 đến 0,48. Việc bù nhiệt được thực hiện nhằm đảm bảo cho nhiệt độ của hỗn hợp bê tông tăng dần. Các kết quả cho thấy, sự tỏa nhiệt là thấp hơn khi tỷ lệ nước/xi măng thấp hơn mà mức độ giảm tỏa nhiệt do sử dụng tro bay cao hơn khi tỷ lệ nước/xi măng cao hơn.

www.concrete.org

Cường độ và độ bền của bê tông xỉ lò luyện thép

Tác giả: Juan A. Polanco, Juan M. Manso, Jesus Setien, và Javier J. Gonzalez

*Tạp chí Vật liệu xây dựng số 2, tháng 3/2011 -
Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

Tóm tắt:

Việc sử dụng xỉ lò luyện thép có ý nghĩa quan trọng nhằm cải thiện sự bền vững của môi trường trong quá trình sản xuất bê tông. Trong công trình nghiên cứu này, các tác giả đề cập và phân tích các đặc tính của bê tông ở trạng thái đã đóng rắn sử dụng 02 loại xỉ lò luyện thép là xỉ lò hồ quang (EAFS) và xỉ lò nổi (LFS). Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đặc biệt quan tâm đến độ bền và khả năng kháng lại các tác nhân bên ngoài của bê tông thông qua các thí nghiệm chu kỳ đóng băng - tan băng, ướt - khô, và sự trương nở tiềm năng trong nước nóng...Kết quả cho thấy, thí nghiệm về độ bền chỉ có ý nghĩa đối với trường hợp bê tông có thành phần xỉ EAFS dưới dạng cốt liệu thô và mịn. Việc bổ sung xỉ LFS mịn vào bê tông còn gây ra nhiều tranh luận đồng thời có những hạn chế bởi các thành phần có khả năng trương nở theo thời gian như vôi tự do và hàm lượng khoáng

www.concrete.org

Biên tập tin: Minh Tuấn

Tổng Công ty LICOGI tổ chức Lễ mừng công hoàn thành khối bê tông đầm lăn thứ 1 triệu trên công trình thủy điện Bản Chát

Ngày 21/4/2011, Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - LICOGI đã long trọng tổ chức Lễ mừng công hoàn thành khối bê tông đầm lăn thứ 1 triệu tại công trình thủy điện Bản Chát – xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Buổi lễ vinh dự được đón đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ cùng Đoàn công tác Chính phủ đến thăm và kiểm tra công trình.

Đến dự buổi lễ còn có đại diện lãnh đạo các tỉnh Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai; Tập đoàn Điện lực Việt Nam – EVN, Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam – VNIC, Tổng công ty LICOGI, các Tổng công ty thành viên trong Tổ hợp nhà thầu cùng đại diện của hơn 2.000 CBCNV của các đơn vị đang thi công tại công trường.

Dự án thủy điện Bản Chát được khởi công tháng 01/2006 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm chủ đầu tư, TCTy LICOGI là tổng thầu xây lắp với các thành viên trong tổ hợp nhà thầu gồm TCTy Lắp máy Việt Nam (LILAMA), TCTy Xây dựng Trường Sơn, TCTy CP Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX), Cty Việt Bắc (Bộ Quốc phòng) và Cty CP Sông Đà 7 (Tập Đoàn Sông Đà). Đây đều là những nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp các công trình thủy điện do Tập đoàn EVN đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm phát huy nội lực, tiết kiệm hiệu quả vốn đầu tư.

Trong báo cáo tại Lễ mừng công, ông Vũ Tiến Giao - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc TCTy LICOGI cho biết: Trải qua 5 năm thi công trong điều kiện hết sức khó khăn về cơ sở hạ tầng, đường xá thi công, hệ thống thông tin liên lạc, điện nước sinh hoạt thiếu thốn...nhưng với tinh thần quyết tâm vượt khó, Tổng thầu LICOGI đã



Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo tại buổi Lễ

chỉ đạo quyết liệt, thực hiện tốt công tác điều hành, phối hợp, giúp đỡ các đơn vị thành viên tổ hợp. Đến nay, thủy điện Bản Chát đã cơ bản hoàn thành theo tổng tiến độ được EVN phê duyệt. Sau gần 18 tháng thi công liên tục, công tác bê tông đầm lăn thi công đập chính đã đạt mét khối thứ 1 triệu tại cao trình 409,5m, đảm bảo an toàn và chất lượng. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với CBCNV trên công trường đồng thời khẳng định: Công trình thủy điện Bản Chát đang bám sát và bảo đảm tiến độ mục tiêu chống lũ năm 2011, nút cống dẫn dòng tích nước vào tháng 11/2011. Việc đảm bảo các mốc tiến độ quan trọng trên, một lần nữa khẳng định vai trò Tổng thầu xây lắp LICOGI cũng như sự nỗ lực chung của các đơn vị thành viên trong tổ hợp nhà thầu.

Phát biểu tại buổi lễ, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá thủy điện Bản Chát là một công trình có ý nghĩa rất quan trọng đối với yêu cầu đảm bảo điện năng, phục vụ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thủ tướng biểu dương sự nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách của Chủ đầu tư – EVN, Tổ hợp nhà thầu - đứng đầu là Tổng thầu LICO-

GI và đội ngũ kỹ sư, công nhân đang ngày đêm lao động trên công trường cũng như đánh giá cao những cố gắng của tỉnh Lai Châu đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác triển khai thi công công trình và đặc biệt đồng bào vùng dự án trong công tác di dân, tái định cư. Bên cạnh đó, Thủ tướng yêu cầu các đơn vị phát huy những thành tích đã đạt được, trong thời gian tới phải tiếp tục bảo đảm mục tiêu tiến độ đã đề ra, nổi bật là công tác xây dựng tuyến đập chống lũ và kế hoạch phát điện 2 tổ máy. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước bấm nút hoàn thành khối bê tông đầm lăn thứ 1 triệu của công trình thủy điện Bản Chát.

Thay mặt Tổ hợp nhà thầu thi công, Chủ tịch HĐQT TCTy Licogi Vũ Tiến Giao đã hứa với Thủ

tướng sẽ chỉ đạo quyết liệt, phối hợp chặt chẽ, tương trợ giúp đỡ giữa các đơn vị trong tổ hợp nhà thầu nhằm thi công đảm bảo chất lượng các mục tiêu tiến độ của dự án, nút cống dẫn dòng vào tháng 11-2011, hoàn thành đập tràn và toàn bộ tuyến đập vào tháng 6-2012 và mục đích cuối cùng là phát điện tổ máy số 1 vào tháng 8/2012, phát điện tổ máy 2 vào tháng 10/2012, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Cũng trong buổi lễ, Cty CP LICOGI 16 đã trao tặng số tiền 1,5 tỷ đồng để xây dựng trường mầm non tại xã Mường Kim, huyện Than Uyên, Lai Châu.

(Tin từ TCTy Licogi)

Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác công đoàn cơ sở năm 2011

Nhằm nâng cao trình độ, năng lực hoạt động cho đội ngũ cán bộ công đoàn, trong 2 ngày ngày 6 - 7/5/2011, tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam (XDVN) đã tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác cán bộ công đoàn cơ sở. Các học viên là cán bộ các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Xây dựng Việt Nam - khu vực phía Bắc đã tham dự và hoàn thành xuất sắc khóa học.

Tham dự khai mạc Hội nghị tập huấn có Chủ tịch Công đoàn XDVN Nguyễn Văn Bình và các Phó Chủ tịch Đặng Hữu Hoàn, Nguyễn Thị Yên, Chủ tịch, ủy viên Ban chấp hành các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn XDVN thuộc khu vực phía Bắc.

Phát biểu khai mạc Hội nghị tập huấn, Chủ tịch Công đoàn XDVN Nguyễn Văn Bình đã nhấn mạnh vai trò của tổ chức Công đoàn trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa tư tưởng của đất nước. Trong điều kiện hiện nay, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ, Công đoàn cần tập trung hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động;

đại diện thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể với những điều kiện có lợi hơn cho người lao động; chăm lo việc làm, điều kiện làm việc và các chế độ cho người lao động; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách với người lao động, thực hiện tốt quy chế dân chủ, tổ chức tốt các hoạt động tinh thần trong CNVCLĐ... muốn làm được những việc đó, đòi hỏi người cán bộ làm công tác công đoàn cần phải tiếp tục nâng cao trình độ về lý luận và thực tiễn để đáp ứng yêu cầu phát triển của tổ chức Công đoàn trong quá trình hội nhập quốc tế của đất nước.

Tại lớp tập huấn, các học viên đã được nghe các Giảng viên giảng dạy các chuyên đề về những vấn đề cơ bản của Công đoàn Việt Nam, nhiệm vụ trọng tâm của công đoàn trong tình hình mới; Nội dung, phương pháp hoạt động của Công đoàn cơ sở; Kỹ năng tổ chức Đại hội Công đoàn cơ sở; Công tác kiểm tra của Công đoàn; Công tác nữ công... Cùng với công tác giảng dạy của Giảng viên, các học viên cũng đã được trao đổi, thảo luận, giải đáp nội dung

tập huấn cũng như các câu hỏi phục vụ cuộc thi Cán bộ Công đoàn giỏi của ngành Xây dựng. Sau khi kết thúc chương trình học, các học viên được kiểm tra, viết bài thu hoạch đồng thời được Ban tổ chức phát Giấy chứng nhận đánh giá kết quả học tập của mỗi học viên tham dự lớp tập huấn.

Khóa tập huấn nghiệp vụ công tác Công đoàn cơ sở năm 2011 khu vực phía Bắc của

Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã diễn ra thành công tốt đẹp, đạt được nhiều kết quả, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo cán bộ công đoàn cơ sở, qua đó tạo nên những nhân tố tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển của tổ chức Công đoàn trong tình hình mới.

Hoàng Hải

Từ xây dựng sinh thái và xây dựng xanh đến xây dựng an toàn sinh thái

Ngày nay, hoạt động xây dựng luôn hướng đến việc tạo lập không gian an toàn và tiện nghi cho cuộc sống con người, do đó nó có ý nghĩa xã hội vô cùng to lớn. Ngoài ra, hoạt động xây dựng còn tác động rất nhiều đến sự hình thành các không gian nhân tạo phục vụ cuộc sống con người, chất lượng cuộc sống và hoạt động sản xuất của con người.

Bất kỳ một công trình xây dựng nào với những công năng khác nhau đều được tạo lập dựa trên các quyết định liên quan đến sự can thiệp vào thiên nhiên. Bản thân công trình xây dựng là một hệ thống kỹ thuật phức tạp mà trong một số điều kiện nhất định chứa đựng những tác nhân gây nguy hiểm cho con người và môi trường xung quanh. Một tòa nhà hoặc công trình xây dựng giống như lớp vỏ chứa đựng phần lớn công nghệ sản xuất, tức là đã tự xác định mức độ tác động của nó tới môi trường tự nhiên xung quanh và môi trường xã hội, khi xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc thiên tai.

Triết lý của hoạt động xây dựng dựa trên các truyền thống dân tộc và văn hóa, sự phát triển quan niệm chung của văn minh kỹ thuật. Bộ phận phức hợp quan trọng nhất của triết lý xây dựng hiện đại là triết lý chất lượng có tính định hướng xã hội. Bên cạnh đó, chất lượng bao gồm cả bảo vệ tài nguyên và năng lượng, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho con người tại nơi họ sinh sống và làm việc. Nói một cách

khác, khái niệm chất lượng có thể hiểu theo nghĩa rộng hơn. Và cuối cùng, chất lượng quyết định vấn đề an toàn cho hoạt động sống của con người.

Chất lượng nói chung có nghĩa là tất cả các thông số của quy trình xây dựng đáp ứng được các giá trị thiết kế, cũng như các tiêu chuẩn, định mức, quy định hiện hành trên cơ sở hệ thống kiểm soát liên tục đối với tất cả các giai đoạn xây dựng và khai thác công trình. Ngày nay, vấn đề bảo đảm an toàn kỹ thuật và an toàn sinh thái là một trong những trọng tâm của ngành xây dựng, trên cả hai phương diện khoa học và thực tiễn.

An toàn theo nghĩa chung là một nguyên tắc bảo đảm sự phù hợp giữa các khâu quy hoạch – kiến trúc, xây dựng, giải pháp tổ chức - công nghệ được áp dụng trong quá trình xây dựng và khai thác công trình, với các tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hiện hành cũng như các điều kiện của thiên nhiên và môi trường xã hội xung quanh, qua đó bảo đảm tính bền vững của công trình, bảo đảm cho công trình có hệ số rủi ro thấp nhất ngay cả khi có những tình huống bất thường phát sinh.

Trong gần 3 thập kỷ cuối của thế kỷ XX, vấn đề năng lượng trở nên nóng bỏng hơn bao giờ hết. Theo quyết định của OPEC, hoạt động khai thác dầu trên thực tế đã bị cắt giảm từ năm 1973. Từ đây, một vấn đề được đặt ra là làm thế

nào để bảo đảm an ninh năng lượng cũng như bảo vệ tài nguyên.

Giữa những năm 1990 tại các nước Tây Âu, đã phát triển mạnh mẽ cả lý luận và thực tiễn về bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên trong xây dựng đồng thời với việc giải quyết vấn đề bảo toàn năng lượng. Rất nhiều công trình và dự án đã đề cao quan niệm bảo vệ thiên nhiên trong hoạt động xây dựng, và nhận được sự quan tâm rất lớn từ các nhà thiết kế và xây dựng.

Tất cả những điều nêu trên đã thể hiện quá trình tiếp cận vấn đề xây dựng sinh thái. Vào năm 1992 tại Tây Đức đã diễn ra hội nghị chuyên đề toàn châu Âu lần thứ nhất về vấn đề xây dựng sinh thái, và cho tới nay hàng năm hội nghị này vẫn được tổ chức trong cộng đồng các quốc gia nói tiếng Đức tại Tây Âu. Diễn đàn này đã tập hợp được các nhà xây dựng và các kiến trúc sư - những người đang thực hiện các dự án xây dựng sinh thái trong thực tiễn. Các nhà khoa học Nga cũng tham gia tích cực vào diễn đàn này. Năm 1994 dưới sự bảo trợ của Hội Xây dựng Nga, tại Moskva đã diễn ra triển lãm Quốc tế “Xây dựng sinh thái”, và vào năm 1996 cũng tại Moskva hội nghị chuyên đề “Xây dựng sinh thái” đã được tổ chức.

Thuật ngữ của châu Âu dịch thẳng sang tiếng Nga chưa phải đã được các nhà khoa học Nga tiếp nhận ngay. Một số khái niệm đã được công nhận, như “xây dựng sinh thái”, “xây dựng bảo vệ thiên nhiên”, “sử dụng hợp lý tài nguyên tự nhiên”. Sau này ở Nga đã xuất hiện khái niệm “xây dựng an toàn sinh thái” và khái niệm này cũng nhanh chóng đi vào vốn từ vựng của người Nga.

Xây dựng sinh thái – theo từ điển bách khoa – là tập hợp các phương pháp thông qua và thực hiện các quyết định kỹ thuật cho việc xây dựng nhà cửa, các công trình và tổ hợp công trình... hài hòa ở mức cao nhất với thiên nhiên và có sự tương hợp tối đa với môi trường thiên nhiên và xã hội xung quanh. Các phương pháp xây dựng sinh thái có thể nhóm lại trong các giải pháp xây dựng dưới đây:

- Sử dụng đất:

Thiết kế hệ thống định cư có tính đến quan hệ tương tác hợp lý giữa con người và thiên nhiên; giảm thiểu hoặc loại trừ việc chiếm dụng đất đai trong quá trình xây dựng công trình; hoàn nguyên đất sau khi kết thúc thời hạn khai thác; hạn chế xây dựng các mảng phủ kín bên trên và bên dưới mặt đất (bê tông, nhựa đường, và các vật liệu phủ khác); bố trí các bãi rác, các vị trí tập kết chất thải lỏng và rắn trong quá trình xây dựng một cách hợp lý; xử lý nước thải.

- Quy hoạch - kiến trúc :

Lợi dụng địa hình và cảnh quan; bố trí các tòa nhà và công trình có quy mô phù hợp với vị trí; sử dụng ánh sáng tự nhiên, năng lượng mặt trời, hướng gió; cảm quan thị giác về tòa nhà, các bộ phận của nó, màu sắc, đặc điểm trang trí...; tiếp cận một cách có hệ thống việc phủ xanh các khối nhà dân sinh và các khu công nghiệp; bảo vệ các công trình di tích lịch sử, kiến trúc và thiên nhiên .

- Kết cấu:

Kết cấu mang tính sinh thái (sử dụng năng lượng tái tạo, tái sử dụng nước thải, sử dụng vật liệu xây dựng “sạch” ...); sử dụng các giải pháp kết cấu linh hoạt cho phép giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên cho mục đích xây dựng, cải tạo hay dỡ bỏ công trình; sử dụng giải pháp kết cấu có lợi cho môi trường gắn liền với việc sử dụng hợp lý đất đai.

- Công nghệ:

Hợp lý hoá diện tích xây dựng; giảm khối lượng xử lý đất trong quá trình xây dựng phần ngầm của tòa nhà hoặc công trình; bảo tồn thảm thực vật trên đất, bảo vệ nước ngầm khỏi sự ô nhiễm; giảm các tác động tức thời lên đất (các phương pháp dùng lực tác động, rung, nổ, nện đất); giảm việc áp dụng các công nghệ liên quan tới việc xây các mảng chống thấm, các mảng ngăn, tường; hạn chế việc ứng dụng các công nghệ tạo ra lượng vật liệu xây dựng phế thải lớn; phát triển công nghệ không phế thải.

Tại châu Âu, xu hướng liên quan đến sự phát triển của các phương pháp xây dựng sinh thái

trong cả lý luận và thực tiễn được gọi là “xây dựng xanh” hay “phong trào xanh”. Thuật ngữ này đã được thống nhất cách hiểu và xác nhận sự ra đời của Hội đồng xây dựng xanh thế giới.

Xây dựng xanh, công trình xanh - là tập hợp các quyết định về quy -hoạch kiến trúc, kết cấu, công nghệ và kỹ thuật nhằm giảm mức tiêu thụ năng lượng và nguyên vật liệu trong cả vòng đời của công trình (lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa và phá dỡ).

Tiết kiệm tài nguyên sẽ làm giảm đáng kể áp lực về sinh thái của tòa nhà lên không gian tự nhiên xung quanh, do đó, góp phần nâng cao mức độ an toàn của tòa nhà . Đồng thời, việc tiết kiệm tài nguyên trong xây dựng xanh cũng giúp giải quyết vấn đề nâng cao chất lượng và mức độ tiện nghi bên trong tòa nhà, bảo vệ sức khỏe con người.

Khái niệm “xây dựng xanh” bổ sung cho lý thuyết và thực tiễn xây dựng sinh thái bằng các khái niệm như tiết kiệm, tiện nghi, tiện ích, lâu bền. Các mục tiêu nêu trên đạt được nhờ:

- Sự phát triển của quan điểm phát triển sinh thái và xây dựng ở tất cả các giai đoạn trong vòng đời của công trình.
- Công nghệ sinh thái, trong đó có các nguồn năng lượng thay thế;
- Vật liệu sinh thái và các loại vật liệu xây dựng từ thiên nhiên;
- Tiết kiệm năng lượng kết hợp tận dụng tất cả các nguồn năng lượng trong tòa nhà;
- Tiêu chuẩn xanh và các cơ chế khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn đó.

Hiện nay, thuật ngữ “xây dựng xanh” đã được áp dụng trong thực tế hoạt động của các kiến trúc sư cũng như các nhà khoa học và chuyên gia Nga. Năm 2010 dưới sự bảo trợ của Hội Kiến trúc Nga, tổ chức phi thương mại “Hội đồng xây dựng xanh Nga” đã được thành lập.

Việc sử dụng các thuật ngữ như “xây dựng sinh thái”, “xây dựng xanh”, “xây dựng an toàn sinh thái” không hề mâu thuẫn nhau mà ngược lại, mở rộng thêm ý nghĩa của xu hướng mới

trong xây dựng và kiến trúc. Thuật ngữ “xây dựng an toàn sinh thái” có nghĩa rộng nhất, thể hiện chức năng sinh thái quan trọng nhất của hoạt động xây dựng là tạo lập không gian sống cho con người tiện nghi và an toàn.

An toàn sinh thái trong xây dựng là một trong những hệ thống cơ bản của hoạt động xây dựng, bảo đảm sự phù hợp tối đa giữa công trình xây dựng với các điều kiện và các thông số của môi trường kỹ thuật và môi trường tự nhiên xung quanh trong cả vòng đời của công trình, nhằm duy trì chức năng vững bền, ổn định cũng như phát triển .

Vấn đề an toàn sinh thái trong xây dựng cần được xem xét đối với một công trình xây dựng về tổng thể cũng như đối với từng yếu tố cấu thành riêng biệt của công trình đó. Ví dụ, loại vật liệu xây dựng được coi là có đặc tính sinh thái “sạch” khi đưa vào cấu trúc một tòa nhà có thể gây nên những hệ quả không mong muốn cho môi trường thiên nhiên xung quanh trong quá trình sản xuất ra nó .

Hệ thống an toàn sinh thái trong xây dựng liên quan không chỉ với một công trình xây dựng riêng biệt nào đó mà có thể là một tổ hợp các công trình (tập trung hoặc nằm rải rác), hơn nữa hệ thống này còn có thể bao gồm cả hoạt động xây dựng trong phạm vi đô thị hoặc vùng.

An toàn sinh thái trong xây dựng có cơ sở thông tin và dựa trên cơ sở các số liệu của các nghiên cứu trong nhiều năm, với việc sử dụng hệ thống thông tin và công nghệ máy tính.

Những bước tiến trên đã được khẳng định trong các công trình nghiên cứu khoa học của trường Đại học Xây dựng quốc gia Moskva, và đang được ứng dụng trên thực tế. Các nghiên cứu này, dưới hình thức các thiết kế cụ thể cho từng công trình khác nhau, đã mang lại nhiều kết quả thực tế Ví dụ, bản thiết kế của nghiên cứu sinh B.X.Pailevana – tu bổ về mặt sinh thái cho một trong những công trình lớn về các giải pháp kiến trúc và tôn tạo - khu học đường của trường. Bản thiết kế này trên thực tế đã tán

thành quan điểm và hiện thực hóa khái niệm nhà sinh thái thông minh theo hình thức một toà nhà xanh với các ý tưởng về an toàn sinh thái trong xây dựng. Các phương pháp thiết kế được nghiên cứu đã mở ra nhiều khả năng bảo đảm sự tương tác giữa toà nhà với không gian bên ngoài, nâng cao mức độ an toàn và tiết kiệm năng lượng bên trong toà nhà, tăng thêm các không gian phục vụ học tập và sản xuất, ứng dụng các thành phần kiến trúc khí hậu sinh học cũng như hoàn thiện các đặc điểm khai thác nhờ các hệ thống và các quy trình thông minh.

Áp dụng các phương pháp thiết kế trên, trong thực tế đã góp phần giảm tổn thất năng lượng, giảm tác động tiêu cực tới không gian xung quanh, cũng như nâng cao mức tiện nghi về mặt không gian, nhiệt lượng, âm thanh và điện từ học, tức là chất lượng không gian bên trong.

Trong phạm vi giải quyết các vấn đề có liên quan tới an toàn sinh thái trong xây dựng, thì mối tương quan gắn bó với các phân hệ như

việc tiêu thụ năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong các toà nhà... có ý nghĩa rất lớn. Và khi đó, nhiệm vụ đầu tiên đặt ra là tự động hoá và điều phối hệ thống kỹ thuật của toà nhà. Ở đây nảy sinh mối tương quan với một trong những khái niệm hiện đại của khoa học xây dựng – khái niệm các toà nhà thông minh.

Các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xây dựng sinh thái và xây dựng xanh trong thời gian gần đây đã hình thành một giai đoạn phát triển mới về lý thuyết cũng như thực tiễn của vấn đề an toàn sinh thái trong xây dựng và xây dựng xanh. Những phương thức tiếp cận mới với an toàn sinh thái trong xây dựng đều cho thấy rằng trên thực tế luôn tồn tại tính kế thừa và trao đổi giữa các lĩnh vực này./.

V.I.Delichenko

Nguồn: Tạp chí Xây dựng dân dụng và công nghiệp Nga, tháng 2/2011

ND: Lê Minh

Công ty xây dựng số 2 Giang Tây, Trung Quốc - kinh nghiệm chuyển đổi mô hình hoạt động

Công ty Xây dựng số 2 Giang Tây là doanh nghiệp xây dựng quốc doanh hạng I, được thành lập từ năm 1954. Cuối năm 2009, Công ty này đã tiến hành cải tổ, chuyển đổi mô hình hoạt động thành công. Bài viết này kết hợp thực tiễn của Công ty Xây dựng số 2 Giang Tây, phân tích các khía cạnh như sáng tạo mô hình phát triển và điều tiết chiến lược, đẩy mạnh quy phạm hóa cơ cấu quản lý pháp nhân, cải tiến phương thức quản trị của Công ty sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động

1. Quy phạm hóa cơ cấu quản lý pháp nhân, làm rõ địa vị chủ thể quản lý hạng mục

- Sau khi hoàn thành toàn diện cải cách chế độ quyền tài sản, doanh nghiệp cần phải nắm chắc chiến lược phát triển, nắm vững các nét

đặc trưng của giai đoạn phát triển mới. Theo yêu cầu của thị trường, xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý lấy tài sản làm sợi dây liên lạc, mối quan hệ quyền tài sản rõ ràng, vận hành linh hoạt, tài nguyên được bố trí tối ưu hóa, phát triển nội lực. Trên cơ sở sáng tạo cơ cấu tổ chức, phá bỏ tập tính truyền thống, giảm bớt các tầng quản lý, rút ngắn dây chuyền quản lý, xây dựng hệ thống chỉ huy và bộ máy vận hành hiệu quả cao, xác định quy tắc nghị sự “một tầng ba ban”, ban giám đốc, ban cổ đông và ban kiểm soát mỗi ban một chức năng, hợp tác làm việc, đảm bảo bảo toàn giá trị tài sản nhà nước, tăng trưởng giá trị, thiết thực nâng cao lợi ích của người đầu tư và thu nhập của công nhân viên chức. Trên cơ sở sáng tạo cơ chế kinh doanh, kiên trì cơ chế kinh doanh linh hoạt

và tăng cường quản lý quyền lợi và nghĩa vụ, khuyến khích và ràng buộc cùng tồn tại, tăng cường điều tiết thị trường.

- Làm rõ địa vị chủ thể quản lý hạng mục, thực hiện quản lý cụ thể hóa, cần phải coi các nhân tố như chất lượng, an toàn, giá thành... là trọng điểm điều tiết, bố trí khoa học và hợp lý các yếu tố thi công, thực hiện mô hình quản lý hữu hiệu cùng hưởng lợi ích, cùng chịu rủi ro, tăng cường quản lý động thái dự báo, lên kế hoạch, phân tích giá thành hạng mục, sử dụng hệ thống quản lý thông tin hóa, xây dựng cơ chế dự báo và phòng tránh rủi ro tài chính, thiết thực tăng cường giám sát nội bộ, bịt kín các kẽ hở trong quản lý, kiểm toán chặt chẽ và kiểm tra hiệu quả, bảo đảm cho tiền vốn được an toàn.

- Thi công hạng mục phải có phương hướng chỉ đạo là đẩy mạnh xây dựng thương hiệu công trình, thông qua các công trình có chất lượng cao, nghiêm túc tổ chức thiết kế thi công, quy phạm quản lý tiêu chuẩn hóa hiện trường, cố gắng xây dựng hình tượng chất lượng với nét đặc sắc là sản phẩm chất lượng cao, sản xuất an toàn, coi kiểm tra và xử lý triệt để các sự cố nghiêm trọng là trọng điểm, đi sâu triển khai các hoạt động thi đua hiện trường thi công văn minh, dùng thành quả sáng tạo kỹ thuật để quản lý rủi ro an toàn chất lượng.

2. Dựa vào thị trường cao cấp, kéo dài mối liên kết các ngành sản xuất, mở rộng quy mô thị trường

Đứng trước sự cạnh tranh về năng lực tổng hợp ngày càng gay gắt, khi chuyển đổi mô hình, doanh nghiệp xây dựng cần phải tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh, nâng cao chất lượng vận hành kinh tế, khiến cho giá trị sản lượng tăng trưởng đồng bộ với hiệu quả, cần phải sáng tạo ra mô hình phát triển mới, nắm chắc quyền chủ động tự chủ kinh doanh để mở rộng thị trường, kịp thời hóa giải mâu thuẫn thị trường và sức ép môi trường bên ngoài, dựa vào tài sản chất lượng cao và hạng mục có ưu thế, đẩy mạnh tối ưu hóa và nâng cấp cơ cấu ngành sản xuất.

- Lấy thị trường làm phương hướng chỉ đạo, lấy tài sản làm sợi dây liên lạc, tăng cường điều chỉnh cơ cấu và nguồn tài nguyên, nắm bắt cơ hội đầu tư mới, đi sâu phân tích những biến động của thị trường, tìm tòi phương hướng phát triển và đột phá khẩu, tiến quân vào thị trường cao cấp, phát triển các dự án có tiềm năng lợi nhuận lớn, thông qua các dự án có ưu thế, sản phẩm chủ đạo để xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng kinh doanh, kéo dài sợi dây liên kết các ngành sản xuất, giúp đỡ các công ty con một cách có trọng điểm, chỉ đạo hướng dẫn họ phát triển theo phương hướng chuyên ngành hóa, kỹ thuật hóa và trở thành doanh nghiệp cốt cán có quy mô tài sản lớn, năng lực tài chính mạnh, mở rộng toàn diện quy mô và chất lượng thị trường của doanh nghiệp.

- Khi mở rộng quy mô kinh doanh, cần phải kiên trì phương châm chủ động đồng thời mở rộng và liên kết kinh doanh; ở các lĩnh vực thiếu năng lực hoặc các hạng mục không có ưu thế kỹ thuật, cần ra sức thu hút các đối tác hợp tác chiến lược, đồng thời khảo sát tổng hợp về tiền vốn, uy tín, trình độ quản lý... của đối tác hợp tác và đánh giá tính khả thi, giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh tế như tiền vốn hợp đồng, các khoản nợ ... của họ. Giám sát trọng điểm quá trình thực hiện hợp đồng, khắc phục các hiện tượng ôm đồm bao biện, đề phòng đối phương di chuyển rủi ro kinh doanh của họ sang doanh nghiệp.

- Xây dựng vững chắc quan niệm “thị trường lớn, kinh doanh lớn”, củng cố các thị trường đã có, khai thác tiềm năng, mở rộng diện kinh doanh, cố gắng gây ảnh hưởng ra bên ngoài, hình thành cục diện kinh doanh có khu vực kinh doanh lớn hơn, nhiều hạng mục hơn, ảnh hưởng sâu sắc hơn. Đồng thời, ra sức thực hiện chiến lược “đi ra bên ngoài”, khai thác triệt để ưu thế của các doanh nghiệp lớn trong nước và nguồn tài nguyên của tập đoàn nước ngoài, xây dựng liên minh chiến lược cạnh tranh với thị trường quốc tế, bồi dưỡng điểm tăng trưởng mới khi mở rộng thị trường ở nước ngoài.

3. Sáng tạo khoa học kỹ thuật là phương hướng chủ đạo, thúc đẩy cơ cấu các ngành sản xuất tối ưu hóa và nâng cấp

Tiêu chí rõ nét của doanh nghiệp hiện đại là xây dựng doanh nghiệp theo mô hình sáng tạo, trọng điểm là năng lực và trình độ sáng tạo khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp, tăng cường năng lực chuyển hóa thành quả khoa học kỹ thuật, thúc đẩy cơ cấu sản xuất tối ưu hóa và nâng cấp, hình thành sức cạnh tranh trọng tâm.

- Chỉ đạo và thúc đẩy các yếu tố sáng tạo tập trung vào doanh nghiệp, nhanh chóng xây dựng hệ thống sáng tạo kỹ thuật với chủ thể là doanh nghiệp, phương hướng chỉ đạo là thị trường, kết hợp sản xuất với khoa học kỹ thuật. Thông qua các biện pháp như thu hút, sử dụng, tái sáng tạo... để tăng cường tích lũy kỹ thuật, trọng điểm đặt ở khai thác và ứng dụng kỹ thuật, giải quyết các vấn đề kỹ thuật và nâng cao hiệu quả lao động sản xuất.

- Xây dựng và hoàn thiện mặt bằng phục vụ sáng tạo kỹ thuật, tích cực mở rộng ứng dụng kỹ

thuật mới, công nghệ mới, sản phẩm mới, vật liệu mới, căn cứ vào biến động của thị trường, kết hợp với đặc điểm thi công, thông qua những điển hình khoa học kỹ thuật, công trình xây dựng điển hình về tiết kiệm năng lượng, ra sức đẩy mạnh kỹ thuật thi công công trình công cộng và công trình nhà ở tiết kiệm năng lượng, phát triển kỹ thuật tiết kiệm năng lượng giảm bớt xả chất thải, bảo vệ môi trường, tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài sáng tạo kỹ thuật và đầu tư khoa học kỹ thuật. Trong các công trình tập trung nhiều kỹ thuật mới và khó, tranh thủ sự giúp đỡ về tiền vốn của nghiệp chủ, triệt để lợi dụng nguồn tài nguyên sáng tạo khoa học kỹ thuật của xã hội, cùng với các trường đại học hữu quan và các tổ chức nghiên cứu kỹ thuật triển khai hoạt động nhất thể hóa sản xuất với nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng năng lực sáng tạo kỹ thuật của doanh nghiệp.

Phổ Liệt – Tô Hạc

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng” TQ, số 2/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Ứng dụng phương pháp phân tích lãi lỗ và điểm hòa vốn trong công tác quản lý mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp xây dựng

1. Những ứng dụng thực tiễn của phương pháp phân tích lãi lỗ và điểm hòa vốn

Phương pháp phân tích lãi lỗ và điểm hòa vốn là một trong những phương pháp dùng để phân tích quan hệ giữa giá thành và lợi nhuận của hạng mục đầu tư. Nội dung chủ yếu là phân tích mối quan hệ giữa sản lượng, giá thành, thu nhập trong điều kiện thị trường và năng lực sản xuất nhất định, tìm ra điểm ranh giới giữa lợi nhuận và thua lỗ của hạng mục, tức là điểm hòa vốn. Điểm hòa vốn vừa là cánh cửa dẫn tới lợi nhuận, vừa là con đường dẫn tới thua lỗ. Phân tích điểm hòa vốn có lợi cho việc kiểm tra ảnh hưởng của những biến động của các yếu tố đầu vào thay đổi đối với cân bằng thu chi

của hạng mục. Bởi vậy, thông qua các sơ đồ, tính toán, tìm ra điểm cân bằng lãi lỗ, từ đó hiểu rõ mối quan hệ tương hỗ giữa nhiều nhân tố như giá thành, giá cả, sản lượng, lợi nhuận..., phát hiện ra con đường lãi lỗ, tạo cơ sở cho doanh nghiệp làm tốt công tác quản lý kinh doanh. Phân tích điểm hòa vốn, dự báo giá thành và phân tích giá thành, tìm ra con đường hạ thấp giá thành có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó khác với việc ước tính giá thành trước đây quy các chi phí sản xuất thành giá thành trực tiếp và giá thành gián tiếp.

Để phân loại chính xác giá thành công trình, cần phải áp dụng một số phương pháp, thường dùng nhất là phương pháp chi phí cá biệt, tức là

căn cứ vào tính chất của các khoản chi phí cụ thể, phân loại từng khoản. Phương pháp này so sánh rất phức tạp, lượng công việc lớn. Chú trọng quan tâm tới đặc điểm giá thành công trình xây lắp, phương pháp đơn giản nhất, dễ thực hiện và phù hợp với việc dự đoán điểm cân bằng lỗ lãi kỳ sau là phương pháp tổng chi phí, còn gọi là phương pháp tỷ lệ chi phí.

Ví dụ, muốn quy hoạch tốt nhiệm vụ sản xuất thi công năm 2009 của một công ty, trước hết cần phải phân tích kết quả kinh doanh năm 2008 của công ty đó. Tổng giá trị sản lượng công ty hoàn thành năm 2008 là 400,087 triệu NDT, tăng trưởng 38% so với năm 2007; tổng chi phí là 373,087 triệu NDT, trong đó chi phí cố định là 93,272 triệu NDT, chi phí khả biến là 273,442 triệu NDT; lợi nhuận thực hiện của cả năm là 27 triệu NDT, tăng trưởng 20% so với năm 2007, giá trị có thể so sánh nâng cao 37,8% (tức là lãi của khoản vay vốn lưu động năm 2008 là 3,961 triệu NDT, đã hạ thấp mức lợi nhuận, điều này không có trong năm 2007), thu nhập bình quân đầu người của công nhân viên chức là 13.190 NDT, tăng trưởng 19,56% so với năm trước.

Trong tình hình trình độ quản lý doanh nghiệp ổn định, giá sản phẩm xây dựng bất biến nguyên nhân khiến cho doanh nghiệp có mức tăng trưởng lợi nhuận là giá trị sản lượng doanh nghiệp đột phá tương đối nhiều. Nếu doanh nghiệp đạt được tổng giá trị sản lượng là 310 triệu NDT thì họ chỉ có thể đạt được sự cân bằng thu chi; nếu hoàn thành thấp hơn mức này, doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với cục diện thua lỗ.

a. Quản lý giá vật liệu

Giá vật liệu là một nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất trong giá thành khả biến. Từ năm 2004, Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách hệ thống giá cả, điều chỉnh giá bất hợp lý của các loại sản phẩm, tăng giá nguyên vật liệu và năng lượng. Giá thị trường của sắt thép năm 2006 tăng thêm hơn 30% so với giá dự toán; năm

2007, giá xuất xưởng của xi măng mác cao tăng 40%. Chỉ riêng chênh lệch giá vật tư loại II, III và vật liệu địa phương trên thị trường của công ty này năm 2006 đã hơn 3,094 triệu nguyên. Chịu ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tăng cao, chi phí xây dựng nhất định sẽ tăng hơn năm trước, chi phí vật liệu tăng cao đem lại chi phí khả biến của sản phẩm xây dựng rất cao. Trong điều tiết giá thành công trình, điều tiết giá vật liệu giữ vai trò chủ yếu, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong công trình, khoảng 70% dự toán, khoảng 80% chi phí trực tiếp. Vì vậy, phải điều tiết lượng sử dụng vật liệu theo hợp đồng trong giai đoạn thi công, xác định hợp lý giá cả vật liệu, từ đó điều tiết hữu hiệu giá thành công trình. Trong nền kinh tế thị trường, nguyên vật liệu được cung ứng thông qua nhiều con đường, hơn nữa giá cả, chủng loại nguyên vật liệu xây dựng lại nhiều, nhân viên dự toán đơn vị thi công và nhân viên quản lý phải chú ý bám sát tình hình thị trường, kịp thời đề ra kế hoạch cung ứng vật liệu. Nhân viên dự toán căn cứ vào dự toán vật liệu để đề ra định mức vật liệu thi công công trình, phân tích và dự đoán tổng lượng nhu cầu vật liệu, đề ra kế hoạch cung ứng vật liệu từng quý và từng tháng theo phương án thi công. Thực hiện chế độ lĩnh vật liệu theo mức giới hạn. Quản lý chặt chẽ xuất kho, nhập kho nguyên vật liệu. Ban dự án cần dự trù những rủi ro về lượng vật liệu sử dụng và chịu sự giám sát quản lý trong quá trình mua vật liệu. Quản lý chặt chẽ công nghệ, giảm bớt tối đa sự hao hụt nguyên vật liệu. Thực hiện chế độ gọi thầu đấu thầu đối với vật liệu, cấu kiện thành phẩm của hạng mục công trình, quản lý chặt giá cả vật liệu. Đi sâu đi sát hiện trường, thị trường, nắm vững tình hình thi công và thông tin vật liệu, cung cấp cơ sở vững chắc cho công tác điều tiết chi phí khả biến.

b. Quản lý chi phí nhân công

Chi phí nhân công là một yếu tố quan trọng nữa trong chi phí khả biến. Mấy năm gần đây,

thị trường xây dựng có không gian phát triển rộng lớn, bội chi về chi phí nhân công là vấn đề khó khăn mà nhiều doanh nghiệp xây dựng đang gặp phải. Việc quản lý chi phí nhân công cần được thực hiện chặt chẽ ở các mặt sau:

- Tiến hành gọi thầu nhân công sau khi nhận được hạng mục công trình, đề ra một tiêu chuẩn phù hợp với thực tế, sau đó lựa chọn một số lao động đủ thực lực, đủ năng lực, thông qua cạnh tranh đấu thầu, lựa chọn một đội ngũ lao động tốt nhất.

- Khoán gọn đơn vị, chi phí máy móc vừa và nhỏ, tạp vụ... đều nằm trong đơn giá, tránh hiện tượng tranh chấp khi kết toán.

- Quản lý chặt số lượng lao động thời vụ, xây dựng chế độ thẩm tra phê chuẩn của ngành, khiến cho tổng mức chi phí nhân công được khống chế trong phạm vi tổng mức chi phí nhân công xác định trong giá hợp đồng với chủ công trình.

c. Quản lý chi phí máy móc

Tuy chi phí máy móc chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng chi phí xây dựng công trình, nhưng nếu quản lý không tốt, cũng có thể khiến cho bội chi nghiêm trọng. Trong định mức dự toán hiện hành, chi phí máy móc được nghiên cứu theo đơn giá cho thuê xã hội. Vì vậy, trong quá trình thi công, cần phải thẩm tra phê chuẩn chặt chẽ chủng loại và số lượng máy móc cần thiết phải sử dụng cho công trình, phòng ngừa nảy sinh các hiện tượng gian lận và bố trí số lượng không hợp lý. Khi máy móc thiết bị của bản thân doanh nghiệp không đủ đáp ứng yêu cầu thi công, phải thuê thiết bị bên ngoài, nhất định phải tiến hành gọi thầu đấu thầu và thực hiện chế độ thẩm tra phê chuẩn và ký nhận số lượng máy dùng trong thi công, ngăn chặn nảy sinh hiện tượng chứng nhận tùy tiện.

d. Tối ưu hóa tổ chức thi công, hạ thấp chi phí thi công

Tối ưu hóa tổ chức thi công cũng là nhân tố quan trọng hàng đầu hạ thấp chi phí khả biến, thông qua xác định phương án tốt nhất, đưa trách

nhiệm chuyên ngành tới từng người, hình thành nên hệ thống quản lý chi phí có sự phân công rõ ràng. Dưới tiên đề đáp ứng yêu cầu chức năng, giảm bớt tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí lưu kho và vận chuyển, áp dụng kỹ thuật mới, công nghệ mới để nâng cao năng suất lao động, đạt mục đích hạ thấp chi phí. Cần kịp thời thu thập, chỉnh lý, hạch toán chính xác các chi phí phát sinh trong thực tế, thông qua đối chiếu với hợp đồng, tìm ra sai sót, kịp thời yêu cầu bồi thường, tránh tăng thêm chi phí cho công trình.

Mấy năm gần đây, do doanh nghiệp không ngừng phát triển lớn mạnh, để nâng cao năng lực sản xuất thi công, các doanh nghiệp thi công lớn cũng không ngừng đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật. Đối với Công ty TNHH xây dựng công trình điện lực số 3 Nội Mông Trung Quốc, từ năm 2004 đến năm 2006, thông qua phân tích kế hoạch thi công, lập kế hoạch trang bị kỹ thuật cho doanh nghiệp, sử dụng quỹ vốn trang bị kỹ thuật, quỹ vốn phát triển kỹ thuật và một phần khoản vốn vay gần 8 triệu NDT, trang bị thêm thiết bị máy móc thi công cỡ lớn như cần cẩu, xe trộn bê tông, cầu thang điện ngoài nhà, máy đào móng sâu... nhằm đáp ứng nhu cầu thi công xây dựng nhà cao tầng ngày một tăng mạnh hiện nay. Các thiết bị này đã không áp dụng kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài, mà còn khấu hao nhanh chóng, mỗi năm cũng khấu hao đi vài trăm nghìn NDT nếu tính theo phương pháp khấu hao trực tiếp hiện hành, điều này làm tăng thêm chi phí cố định của doanh nghiệp.

Ngoài ra, do cạnh tranh thị trường, chi phí nhận thầu công trình và chi phí quảng cáo doanh nghiệp gia tăng, tiêu chuẩn trợ cấp ăn uống đi công tác, chi phí tàu xe đi công tác... ngày một nâng cao, lãi suất khoản vay tín dụng tiền vốn lưu động ngày một cao, chi trả tiền lãi nhiều lên, nhiệm vụ bồi dưỡng huấn luyện công nhân viên chức rất nặng nề, bội chi kinh phí giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng, chi phí bảo hiểm lao động tăng thêm... đều dẫn

tới chi phí quản lý bị đội lên, khiến cho chi phí cố định của doanh nghiệp tăng lên tương ứng.

Căn cứ vào các nhân tố nói trên, giả thiết trên cơ sở năm 2008, chi phí cố định của công ty tăng 5%, chi phí khả biến tăng 8%; giả sử định mức ngân sách công trình xây dựng và định mức chi phí Nhà nước năm 2008 không điều chỉnh lớn, tức là giá cả sản phẩm xây dựng duy trì hiện trạng, không thay đổi, điểm cân bằng lỗ lãi sẽ hoàn toàn khác.

Trong tình hình chi phí tăng cao, nếu giá trị sản lượng doanh nghiệp năm 2009 vẫn ở mức hoàn thành của năm 2008 thì tình hình kinh doanh của doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn nghiêm trọng.

Liệu có thể hóa giải được các nhân tố khiến cho chi phí nâng cao ngay trong doanh nghiệp thi công hay không? Dựa vào hạ thấp chi phí cố định và chi phí khả biến để triệt tiêu các nhân tố chi phí tăng cao, hoặc thông qua nâng cao giá trị sản lượng, tỷ lệ lợi nhuận để giữ cho điểm cân bằng lỗ lãi không thay đổi là hoàn toàn có thể thực hiện được. Điều này đòi hỏi phải tăng cường năng lực đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp, nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp. Ngày nay, cạnh tranh thị trường ngày một khốc liệt, trình độ quản trị chính là năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, nhưng cũng cần phải thấy rằng, nâng cao năng lực doanh nghiệp không phải là chuyện một sớm một chiều.

Ta có thể nghiên cứu bức tranh về điểm hòa vốn. Do giá thành cố định và giá thành khả biến nâng cao, điểm hòa vốn cũng nâng cao tương ứng, giá trị sản lượng đảm bảo duy trì điểm hòa vốn là 370 triệu NDT, giá trị sản lượng đảm bảo duy trì điểm hòa vốn tính theo công thức là 373,987 triệu NDT, chúng nhất trí với nhau về cơ bản, nâng cao 6,37 triệu NDT so với giá trị sản lượng đảm bảo duy trì điểm cân bằng lỗ lãi 310,289 triệu NDT của năm 2008.

Xuất phát từ tình hình thực tế năm 2009 chi phí gia tăng, điểm hòa vốn nâng cao tương ứng, xuất phát từ yêu cầu thực hiện mục tiêu phấn

đấu của doanh nghiệp, giá trị sản lượng và lợi nhuận trong năm 10 – 15%, xuất phát từ giá trị sản lượng mà công ty có thể đạt được trong thời gian hợp đồng công trình đang xây dựng và trong năm công trình hiện nay, quan tâm nghiên cứu trình độ trang bị hiện có, đặc điểm đối tượng công trình và năng lực tổ chức quản lý của công ty, kết hợp với những phân tích về điểm cân bằng lỗ lãi nói trên, chúng tôi cho rằng, cơ số giá trị sản lượng của công ty năm 2009 khoảng 450 – 500 triệu NDT tương đối phù hợp. Đạt được mức giá trị sản lượng này, công ty có thể thực hiện được mức lợi nhuận 20 – 33 triệu NDT. Tất nhiên, điều này không có nghĩa là “đóng đinh” chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng ở con số này, mà cần phải quan tâm nghiên cứu cơ số này khi bố trí toàn diện sản xuất thi công, khi tiến hành cân đối vật tư, nhân lực và tiền vốn cả năm. Nếu không, sẽ khiến cho sản xuất thi công và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào thế bị động hoàn toàn.

Trên cơ sở lực lượng quản lý và trình độ quản lý hiện có, doanh nghiệp thi công cần phải cố gắng hoàn thành nhiệm vụ sản xuất thi công, đó là con đường để đạt được hiệu quả kinh doanh tốt.

Hiện nay, vấn đề hàng đầu của doanh nghiệp thi công vẫn là vấn đề nhiệm vụ thi công. Xét tình hình thực tế hàng năm của công ty, lực lượng thi công và điều kiện trang bị hiện có, chỉ cần thực hiện được sự cân bằng cơ bản, liên tục thi công một cách có tỷ lệ năng suất lao động sản xuất nâng cao trên 10%, thậm chí tới 20%, thì đó là điều hoàn toàn có thể. sản xuất sản phẩm xây dựng có thời gian thi công dài, công tác xây dựng cơ bản lại diễn ra chậm rãi, thành quả công tác hiện nay thường đặt nền móng cho công tác thời kỳ sau này. Cũng như vậy, ý nghĩa công tác thường chỉ thể hiện sau một thời gian nhất định. Khi quy hoạch nhiệm vụ thi công, nếu chỉ quan tâm tới lợi ích trước mắt, lợi ích năm nay thì sẽ mang lại ảnh hưởng

sâu sắc cho công tác về sau. Khi quy hoạch nhiệm vụ thi công năm nay, công ty phải đồng thời quan tâm nghiên cứu tỷ lệ hoàn thành công trình của doanh nghiệp, tranh thủ đủ công trình cho năm tới, cố gắng giữ cho các loại công trình có một tỷ lệ thích đáng.

Đứng trước tình hình xây dựng cơ bản hiện nay, phương châm thị trường đúng đắn của doanh nghiệp thi công cần phải một mặt tích cực tham gia đấu thầu, dựa vào chất lượng tốt, thời gian thi công ngắn, giá thành thấp để giành

được sự tin nhiệm, tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao tỷ lệ trúng thầu, củng cố thị trường hiện có; mặt khác, cần phải dũng cảm khai phá, cố gắng mở rộng con đường tiếp nhận nhiệm vụ thi công, tạo nên sự đột phá quan trọng trong sản xuất thi công. Chỉ có như vậy, doanh nghiệp mới có thể có được hiệu quả cao.

Lưu Phụng Lâm

Tạp chí "Xây dựng" TQ, số 2/2011

Hoàng Thế Vinh

Sáu điểm quan trọng để nâng cao lợi nhuận của dự án

Muốn thiết thực tăng cường công tác quản lý dự án, nâng cao tối đa lợi nhuận của dự án, cần phải nắm chắc sáu điểm sau:

1. Lựa chọn chính xác người quản lý dự án

Người quản lý dự án là "đầu tàu" của ban quản lý dự án. Nếu năng lực của "đầu tàu" không đủ, tinh thần trách nhiệm không cao, năng lực tổng hợp của ban quản lý dự án sẽ kém đi và hiệu quả dự án sẽ giảm sút. Lựa chọn và sử dụng người quản lý dự án, sắp xếp khoa học tầng quản lý dự án, cần phải kiên trì các mục tiêu như "hai chặt chẽ, ba quản lý", "hai mục tiêu"... , kiên trì nguyên tắc cất nhắc người có năng lực. Lãnh đạo dự án phải nghiêm khắc với chính mình, nghiêm túc chấp hành các chế độ của dự án, kiên quyết xử lý những người quản lý đối trên lừa dối; nếu không, doanh nghiệp sẽ bị thua lỗ, thậm chí còn có cục diện đua nhau thua lỗ, những người quản lý dự án chân chính tìm mọi biện pháp để doanh nghiệp có lợi nhuận lại bị đả kích, các dự án thua lỗ ngày càng nhiều, công ty không thể phát triển lớn mạnh.

2. Kiện toàn chế độ, điều chỉnh các mối quan hệ

Quản lý dự án là quản lý công việc thông qua quản lý con người, vừa là nhân trị vừa là pháp chế, nhưng nhân trị được xây dựng trên cơ

sở pháp chế, thông qua chế độ quản lý để quản lý con người. Xây dựng một chế độ quản lý, phải thể hiện tính dự báo, tính liên tục, tính hợp lý và tính khả thi. Vì vậy, phải tham khảo đối chiếu kinh nghiệm quản lý của các doanh nghiệp tiên tiến, các đơn vị cùng ngành trong nước, kết hợp với yêu cầu quản lý công ty và đặc điểm dự án công trình, đặc điểm của khu vực nơi có dự án, đặc điểm giám sát quản lý của chủ đầu tư và đặc điểm cơ cấu nhân viên công ty, phân tích tổng hợp. Trên cơ sở đó, đề ra các chế độ, điều lệ của ban quản lý dự án. Đồng thời, còn phải luận chứng nhiều lần tính nhất quán giữa các chế độ, tránh khỏi hiện tượng chúng mâu thuẫn với nhau khi thực hiện, vừa cần phải điều chỉnh mối quan hệ bên trong chế độ quản lý, vừa cần phải thông qua chế độ để điều chỉnh mối quan hệ quản lý của cả dự án. Trong quá trình thực hiện các chế độ, do tình hình bên trong và bên ngoài dự án thay đổi, không thể tránh khỏi những thiếu sót, người quản lý dự án cần phải kịp thời căn cứ vào tình hình thay đổi để bổ sung và sửa đổi, hoàn thiện, khiến cho chúng không ngừng thích ứng với yêu cầu quản lý. Công tác quản lý dự án hết sức phức tạp, không xử lý tốt một khâu thì có thể ảnh hưởng tới toàn bộ quá trình quản lý. Cho nên, ngay từ khi lập dự án, cần phải thông qua

chế độ để điều chỉnh các mối quan hệ bên trong và bên ngoài. Từ người quản lý dự án tới các thành viên ban dự án, mỗi một cán bộ công nhân viên chức của đội thi công đều phải nghiêm túc quy phạm hành vi của mình theo chế độ quản lý và tiêu chuẩn quản lý, hình thành cục diện quản lý con người bằng chế độ, khiến cho công tác quản lý doanh nghiệp dựa theo chế độ điều lệ, thực sự tạo nên cục diện thuận lợi bên trong và bên ngoài nhất trí hài hòa, quản lý thông suốt.

3. Giám sát tài vụ, mua sắm vật tư

Đề ra biện pháp quản lý tài vụ bên trong doanh nghiệp, hạn chế chiếm dụng và chi tiêu tiền vốn không hợp lý, hạ thấp chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh tiền vốn; chấm dứt hiện tượng mua vật tư không phù hợp, giá thành không thực, lãi giả lỗ thật, bảo đảm tính chân thực của thông tin kế toán. Đây đều là những yêu cầu thông thường. Ngoài ra, còn phải nắm chắc hai khâu quan trọng.

- Khâu vật tư:

Trong cơ cấu chi phí xây dựng công trình, vật tư chiếm hơn 70%. Vật tư chính là hiệu quả, nếu xem nhẹ công tác quản lý vật tư, vật liệu thì không thể quản lý chi phí dự án. Chỉ có quy vật tư ra tiền để quản lý, mới có thể nắm chắc khâu then chốt của quản lý chi phí. Vì vậy, quản lý chặt từ khâu cung ứng, nắm chắc các khâu như chất lượng, định giá vật liệu, chọn mua, nghiệm thu nhập kho, xuất kho sử dụng, linh theo mức giới hạn, thu hồi vật liệu thừa, sửa chữa tận dụng phế liệu, tiêu hao vật liệu, hạch toán toàn bộ hay một phần..., tăng cường hạn chế tiêu hao vật liệu.

- Khâu tính toán số lượng

Một mặt, cần phải kịp thời làm tốt công tác tính toán số lượng một cách chính xác; mặt khác, cần phải khống chế chặt chẽ trong phạm vi giá thành mục tiêu, tính theo từng tháng, ngăn ngừa việc chi quá số lượng cho đội thi công, để phòng nảy sinh ra hiện tượng người đứng đầu đội thi công cầm tiền bỏ trốn. Chỉ có nắm chắc các khâu nói trên, mới có thể quản lý

được chi phí, mới có thể thực sự bịt kín được khe hở tránh được thất thoát.

4. Năng lực thực hiện hợp đồng – Giữ uy tín, quản lý an toàn chất lượng

Trước hết, hình tượng thị trường của doanh nghiệp thể hiện ở thời gian thực hiện hợp đồng. Vì vậy, ngay trong thời kỳ đầu của dự án, doanh nghiệp phải nghiêm túc nghiên cứu điều khoản hợp đồng, căn cứ vào điều khoản hợp đồng, phân tích tổng hợp tình hình thực tế như tình hình tài nguyên tự có, đặc điểm công trình, mô thức quản lý của chủ đầu tư, môi trường bên ngoài của địa phương..., không ngừng tối ưu hóa phương án thi công, dựa vào phương án thi công hợp lý và khoa học, quản lý điều tiết trước sự vận hành của toàn bộ dự án, lập kế hoạch tiến độ công trình mang tính giai đoạn thiết thực và khả thi, hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình mang tính giai đoạn theo đúng kế hoạch. Nếu không, sẽ không thể thực hiện được các điều khoản hợp đồng, mất uy tín trước chủ đầu tư.

Thứ hai, đảm bảo chất lượng công trình. Chất lượng công trình là trọng điểm quan tâm của chủ đầu tư. Đề ra và thực hiện mọi phương án và biện pháp quản lý dự án phải thể hiện yêu cầu cụ thể về đảm bảo chất lượng. Tất nhiên lợi nhuận rất quan trọng, nhưng không thể vì hiệu quả lợi nhuận mà xem nhẹ chất lượng. Mọi tâm lý coi thường chất lượng đều có thể mang lại hậu quả khôn lường cho dự án. Chất lượng không đảm bảo, doanh nghiệp thi công không thể giữ được uy tín, đánh mất đi hình tượng. Vì vậy, mọi người trong dự án phải xây dựng vững chắc quan niệm an toàn và chất lượng là sinh mệnh của doanh nghiệp, tăng cường ý thức an toàn, chất lượng cho công nhân viên chức, xây dựng tiêu chuẩn về an toàn, chất lượng, nghiêm túc thi công theo tiêu chuẩn, tự kiểm tra theo tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng và kiện toàn hệ thống đảm bảo an toàn chất lượng. Cần nắm chắc khâu nghiệm thu vật liệu, khâu thao tác thi công, khâu chứng nhận chất lượng và khâu xử lý vấn đề chất lượng, nâng cao tỷ lệ đạt tiêu chuẩn chất lượng

của công trình, thông qua các công trình chất lượng cao để giành được sự tin nhiệm của các chủ đầu tư và của thị trường.

5. Thể hiện hình tượng - Quy phạm hiện trường thi công, quản lý nghiêm ngặt

Hiện trường thi công không chỉ thể hiện một cách tập trung trình độ quản lý dự án, mà còn là nơi thể hiện hình tượng đối ngoại trực tiếp nhất của doanh nghiệp. Bố trí hiện trường thi công, quy hoạch bãi tập kết vật liệu, nơi để máy móc, đường đi lối lại, xử lý rác thải... đều phải quy phạm hợp lý, thể hiện nguyên tắc bố cục hợp lý, thi công thuận tiện. Phải thông qua trách nhiệm cương vị và chế độ điều lệ kiện toàn, kỷ luật làm việc chặt chẽ để ràng buộc nhân viên quản lý và nhân viên thao tác hiện trường, phải giao trách nhiệm cụ thể tới từng ban, từng nhân viên, làm tốt công tác xử lý hiện trường. Các biển báo của doanh nghiệp phải được lắp đặt thống nhất theo quy định văn hóa doanh nghiệp, qua đó thể hiện rõ hình tượng doanh nghiệp và năng lực tổng hợp về thi công xây dựng.

6. Biện pháp chủ yếu - Kiểm tra toàn diện, thưởng phạt rõ ràng

Do cạnh tranh trên thị trường xây dựng ngày

càng gay gắt, thời kỳ trúng thầu với giá hợp lý đã qua lâu rồi, bây giờ là thời kỳ trúng thầu với giá thấp, cạnh tranh với giá thành thấp. Muốn có lợi nhuận từ dự án, phải nghiêm túc đề ra và thực hiện chế độ kiểm tra giá thành thi công và chế độ thưởng phạt, căn cứ vào hợp đồng nhận thầu kinh doanh dự án, làm tốt công tác kiểm tra quyết toán hàng năm, giải quyết vấn đề “chỉ cùng hưởng lãi chứ không cùng chịu lỗ” trong thể chế quản lý dự án, động viên tối đa tích cực của mọi bên. Đối với vấn đề dự án bị thua lỗ, xảy ra sự cố an toàn chất lượng và kinh doanh vượt quá quyền hạn, cần phải xử phạt tương ứng về kinh tế, hành chính hoặc pháp luật, kiên trì nguyên tắc ai chủ quản, người đó chịu trách nhiệm, từ đó thực sự hình thành mối quan hệ giám sát và thực hiện trách nhiệm kinh tế giữa ban dự án và các tổ thi công. Chỉ có như vậy, mới có thể đưa công ty hát triển lớn mạnh, doanh nghiệp mới không thất bại trong cạnh tranh thị trường.

Dị Lễ Thành

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng” TQ, số 2/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Đô thị sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả- đánh giá theo những tiêu chuẩn nào?

Mới đây tại Moskva, cuộc họp thường kỳ của Hội đồng khoa học kỹ thuật thủ đô đã được tổ chức, với chủ đề tiết kiệm năng lượng. Cuộc họp do ngài Thị trưởng Iuri Luzhkov chủ trì. “ Từ góc độ thoát năng lượng, và trên hết, từ góc độ tiêu thụ nhiệt, các tiêu chuẩn hiện hành không còn phù hợp với khả năng cũng như nhu cầu của thời đại” – ngài Thị trưởng đã phát biểu khai mạc như vậy. Theo ông, cần nhanh chóng thông qua biện pháp ứng dụng hệ thống tiết kiệm năng lượng – nhiệt lượng phù hợp với các yêu cầu của EU trong tương lai. Để đạt được mục tiêu trên cần sử dụng tối đa kinh nghiệm thiết kế và xây dựng các tòa nhà, các công trình dân sinh cũng như công trình hạ tầng xã

hội sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

Ai cũng biết rằng Nga có mức tiêu thụ năng lượng để làm ra một sản phẩm vượt 2,5 lần so với các nước phát triển. Tất nhiên, mức tiêu thụ năng lượng cao như vậy một phần là do tăng trưởng GDP, do sản phẩm công nghiệp trong sản lượng chung của các ngành kinh tế ở mức cao, do nhiệt độ không khí trung bình của Nga ở mức tương đối thấp, và cuối cùng, do nước Nga có diện tích rất rộng, dàn trải. Song giải thích như vậy có vẻ thiếu thuyết phục.

Theo đánh giá của các chuyên gia, nếu điều tiết sao cho mức ứng dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả cân bằng với mức của các nước

EU, thì mức tiêu thụ năng lượng của Nga có thể giảm đi 35%. Theo các số liệu của Ngân hàng Thế giới, Nga hàng năm có thể tiết kiệm 240 tỷ m³ khí thiên nhiên, 340 tỷ KW/h điện, 89 triệu tấn than, 43 triệu tấn dầu lửa và một khối lượng tương tự các sản phẩm từ dầu lửa. Nếu nâng cao mức sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, triển khai việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo dựa trên sự đổi mới công nghệ, sử dụng một cách hợp lý nguồn năng lượng dự trữ trong công nghiệp và các ngành tự nhiên... Nga sẽ có thể tăng phần sử dụng tiềm năng tiết kiệm năng lượng đến năm 2015 lên mức 30%, và đến năm 2020 - 40%, các chuyên gia nước ngoài có uy tín khẳng định như vậy.

15 năm trước, trong nội dung chương trình nhà ở quốc gia có chuyên mục “Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng”, hướng tới hệ thống xây dựng - kiến trúc và thiết bị kỹ thuật tiết kiệm năng lượng, hướng tới các loại vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng hiệu quả, và việc hình thành một hệ thống yêu cầu tiêu chuẩn có giá trị, thiết lập các phương pháp thiết kế - xây dựng, cũng như giảm thiểu sự thất thoát nhiệt của khu vực nhà ở công cộng. Đáng tiếc là có nhiều vấn đề chưa được giải quyết do nhiều nguyên nhân, trong đó có cả sự thiếu am hiểu của các nhà lãnh đạo, chưa phân biệt được sự khác nhau giữa tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Hai vấn đề này nằm trong 5 phương hướng chiến lược ưu tiên phát triển công nghệ mà Tổng thống Nga Dmitri Medvedev đã chỉ rõ. Người đứng đầu Nhà nước Nga khẳng định: “Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả là nhiệm vụ xuyên suốt tất cả các ưu tiên cải cách công nghệ còn lại”. Trong những vấn đề cơ bản mà Tổng thống đề cập, có cả việc sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả ở mức thấp trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong khu vực ngân sách nhà nước; khủng hoảng trong ngành nhà ở và công trình công cộng; ảnh hưởng giá của các nhà cung cấp năng lượng tới giá thành sản phẩm cũng như khả năng cạnh tranh của giá. Với Sắc lệnh số

889 “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả năng lượng và hiệu quả sinh thái trong nền kinh tế Nga” ban hành ngày 4/7/2008, Tổng thống Nga đã đặt nhiệm vụ đến năm 2020 sẽ giảm được 40% mức tiêu thụ năng lượng của nền kinh tế quốc dân. Điều này đã được củng cố bằng Luật Liên bang số 261 “Tiết kiệm năng lượng và nâng cao tính hiệu quả sử dụng năng lượng”.

Để thực hiện điều này cần xây dựng một hệ thống quản lý việc sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và tiết kiệm năng lượng. Liên quan tới vấn đề này, cuối năm 2009, Bộ Năng lượng Nga đã quyết định đổi Cơ quan Quản lý tài nguyên trực thuộc Bộ thành Cơ quan năng lượng Nga. Một trong những chức năng của cơ quan này là tổ chức việc thực hiện các chương trình mục tiêu của Liên bang trong lĩnh vực nâng cao tính hiệu quả của việc tiêu thụ năng lượng trong toàn Nga, lựa chọn và phối hợp thực hiện các dự án tiết kiệm năng lượng trong phạm vi các công trình trên toàn lãnh thổ.

Năm 2009 với sự hỗ trợ của Cơ quan năng lượng Nga, tại Kazan một cuộc họp với chủ đề “Tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả tại các vùng và trong khu vực ngân sách” đã được tổ chức. Trong bài phát biểu khai mạc, người đứng đầu Bộ Phát triển kinh tế - Bà Elvira Nabiulina đã nêu rõ: cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu càng làm nóng thêm vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, và vấn đề này đặc biệt quan trọng trong cải cách kinh tế. Ngoài ra, sự đầu tư quy mô của các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước cũng rất cần thiết. Điều đó hoàn toàn có thể, nếu Nga kiên định trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh về kinh tế, triển khai việc ứng dụng các công nghệ mới một cách rộng rãi. Nâng cao mức sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả - đó là việc thiết lập nên một môi trường kinh doanh về mặt công nghệ, cải cách công nghiệp, cải thiện điều kiện sống của người dân Nga và sản xuất ra những hàng hóa mới của công nghệ cao. Một trong những biện pháp thu hút đầu tư tư nhân - theo bà Bộ

trường- là cần có một thị trường dịch vụ năng lượng.

Luật Liên bang đã xem xét việc kiểm toán bắt buộc về mặt năng lượng trong các cơ quan thuộc ngân sách, khả năng ký kết hợp đồng dịch vụ năng lượng, thường xuyên tiết giảm nhu cầu năng lượng (không quá 3%/ năm trong vòng 5 năm). (Hướng đi đầu tiên).

Hướng đi thứ 2 - Lắp đặt các đồng hồ đo mức tiêu thụ năng lượng. Luật đưa ra những thời hạn cụ thể: cho đến thời điểm 1/1/2011 các pháp nhân, các cơ quan nhà nước cần được trang bị đầy đủ đồng hồ đo mức tiêu thụ năng lượng và không quá 1 tháng kể từ khi lắp đặt , các cơ quan này phải thanh toán cho việc tiêu thụ năng lượng theo các số liệu thể hiện trên đồng hồ. Đến 1/1/2012 các chủ sở hữu nhà và từng căn hộ trong các khu chung cư cũng cần có đồng hồ (không tính nhiệt năng), đồng thời có quyền đề nghị với cơ sở cung cấp năng lượng lắp đặt đồng hồ đo theo hình thức trả dần trong thời hạn 5 năm. Đối với tất cả các cơ sở cung cấp năng lượng, luật yêu cầu từ 1/7/2010 phải tổ chức lắp đặt và khai thác các đồng hồ để phục vụ người tiêu dùng. nếu người tiêu dùng trong thời hạn yêu cầu không lắp đặt đồng hồ, cơ sở cung cấp năng lượng trong vòng 1 năm nhất thiết phải đến lắp, và người tiêu dùng có nghĩa vụ thanh toán cho chi phí lắp đặt theo hình thức trả dần trong thời hạn 5 năm.

Hướng đi thứ 3 - Chuyển sang dùng đèn tiết kiệm năng lượng. Kể từ năm 2011, Bộ Năng lượng Nga hàng năm sẽ tiến hành phân tích các hàng hóa được mua (đèn và các thiết bị điện khác phục vụ cho nhu cầu của đất nước) để phân ra các mặt hàng có tính năng tiết kiệm năng lượng.

Hướng đi thứ 4 - Các thiết bị , đồ dùng gia dụng có tính năng sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả : Yêu cầu nhà sản xuất, nhà nhập khẩu dán nhãn hàng hóa theo từng cấp độ sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả(Cụ thể: kể từ năm 2011 – dán nhãn tất cả đồ dùng gia dụng; kể từ năm 2012 – máy tính và thiết bị kỹ

thuật ; kể từ năm 2013 và tiếp theo – các hàng hóa khác).

Hướng đi thứ 5 - thay đổi chính sách thuế. Một trong những biện pháp cơ bản kích thích sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả chính là việc áp dụng điều chỉnh thuế- mà trước hết là thu hồi vốn đầu tư. Biểu thuế được lập cho 3 năm và trên 3 năm, với việc đồng thời củng cố nghĩa vụ của các doanh nghiệp trong việc bảo đảm uy tín, chất lượng dịch vụ. Khi điều chỉnh , các doanh nghiệp sẽ có động lực để tiết giảm chi phí, trong đó có chi phí cho dự trữ năng lượng, và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn dự trữ, kết quả là công ty sẽ duy trì được việc tiết kiệm năng lượng và việc tiết kiệm này có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau.

Trên đây là chiến lược mà bà Bộ trưởng đề ra nhằm nâng cao mức sử dụng năng lượng hiệu quả. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề quan trọng cũng cần làm sáng tỏ hơn, chẳng hạn, đồng hồ đo mức tiêu thụ năng lượng. Quy mô sản xuất và chất lượng của loại đồng hồ này chưa được tốt. Điều tương tự cũng xảy ra với loại đèn sử dụng năng lượng tiết kiệm

Theo sáng kiến của Ban hiện đại hóa và phát triển công nghệ trực thuộc Tổng thống Nga, 2 dự án quan trọng đang được thực hiện – “Đô thị sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả” và “Môi trường xã hội tiết kiệm năng lượng hiệu quả”. Trong các dự án này có những chỉ tiêu rõ ràng, xuất phát từ các điều kiện sau: Một mặt, cần đạt được khả năng tiết giảm tối đa các chi phí thanh toán cho dịch vụ công của hộ gia đình và cơ quan . Mặt khác, để đạt được các chỉ số trên cần hợp lý hóa chi phí thực hiện . Cả 2 dự án mới bắt đầu nhưng đã có những kết quả đầu tiên.

Tại Moskva, dự án thí điểm “Quận sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả” đang được triển khai. Các chuyên gia công ty năng lượng Moskva đã tiến hành nghiên cứu 17 nhà ở và một nhà trẻ nằm ở quận Đông Imailovo. Trong quá trình kiểm toán, toàn bộ hiện trạng quỹ nhà ở đã hiện rõ. Nhìn chung, việc thực hiện dự án “Quận sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả”

cho phép nghiên cứu phương pháp tổng hợp có hệ thống để xây dựng một khu vực sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả ở Moskva.

Nói về vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, không thể không nhắc tới các công nghệ mới, trong đó có cả công nghệ phi truyền thống. Theo ý kiến của các nhà khoa học, có 2 vấn đề có liên quan với nhau mà con người cần giải quyết: đó là tiết kiệm nguồn năng lượng - nhiên liệu dự trữ và giảm ô nhiễm môi trường; ở đây một lần nữa rất cần những nguồn năng lượng phi truyền thống. Một trong những công nghệ tổng hợp là công nghệ cung cấp nhiệt lượng nhờ những bơm đặc biệt. Đó là sự biến đổi nhiệt năng về mặt sinh thái, bao gồm cả hệ thống tập hợp nhiệt của trái đất, bơm nhiệt và hệ thống nhiên liệu hoạt động ở nhiệt độ thấp. Bơm nhiệt tỏ ra hiệu quả hơn cả, nó đòi hỏi chế độ bảo hành ít nhất, sạch sẽ về mặt sinh thái, bởi các bơm này đốt nhiên liệu và không sản sinh ra chất thải độc hại cho môi trường. Đối với ngành Xây dựng và thiết kế đô thị thì lợi ích của các bơm nhiệt còn ở chỗ: các bơm không cần

dây dẫn bên ngoài, do vậy giảm giá thành của tòa nhà đang xây.

Công nghệ bơm nhiệt được ứng dụng rộng rãi ở nước ngoài. Ví dụ, ở Thụy Điển hệ thống bơm nhiệt bảo đảm cung cấp hơn một nửa lượng nhiên liệu tiêu thụ. Tại Stockholm 12% lượng nhiên liệu của thành phố do hệ thống bơm nhiệt với công suất chung 320MW bảo đảm, các bơm nhiệt này hoạt động trong điều kiện khí hậu vùng Ban tích với nhiệt độ môi trường là +8 độ C.

Đúng như các chuyên gia khẳng định, năng lượng biến đổi như trên đối với Nga chính là một giải pháp quý giá. Song để tìm ra những phương pháp mới trong việc tiết kiệm năng lượng, nước Nga cần kiên trì đi tiếp và coi đây là sự nghiệp cao cả trong chiến lược mang tầm quốc gia./.

V.Zhuralev

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga, ngày
30/7/2010*

ND: Lê Minh

HỘI THẢO GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Vinh Yên, ngày 28 tháng 4 năm 2011



Ủy viên TƯ Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội thảo



Các đại biểu dự Hội thảo